

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo phương pháp luận và ban hành Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh của sở, ban ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã (DDCI) tỉnh Nghệ An năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022;

Căn cứ Kế hoạch số 665/KH-UBND ngày 29/09/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc xây dựng bộ chỉ số và khảo sát, đánh giá năng lực cạnh tranh của sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã (DDCI) năm 2022;

Theo đề nghị của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tại Tờ trình số 173/TTr-TTXX ngày 14/4/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Phương pháp luận chỉ số năng lực cạnh tranh của sở, ban ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã (DDCI) tỉnh Nghệ An năm 2022 (có Báo cáo chi tiết kèm theo).

Điều 2. Ban hành Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh của sở, ban ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã (DDCI) tỉnh Nghệ An năm 2022, cụ thể bao gồm:

A. Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh của sở, ban ngành cấp tỉnh

Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh của khối sở, ban ngành cấp tỉnh gồm 8 chỉ số thành phần, gồm có:

1. Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện thủ tục hành chính.
2. Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin.

3. Chi phí thực hiện thủ tục hành chính và tuân thủ quy định pháp luật.
4. Chi phí không chính thức.
5. Cạnh tranh bình đẳng.
6. Tính năng động và tiên phong của sở, ban ngành cấp tỉnh.
7. Hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh.
8. Hiệu lực thiết chế.

(Chi tiết tại Chương III, Mục 2. Hệ thống các chỉ số thành phần, chỉ tiêu DDCI của sở, ban ngành cấp tỉnh tại Báo cáo kèm theo)

B. Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh của UBND các huyện, thành phố, thị xã

Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh của UBND các huyện, thành phố, thị xã gồm 9 chỉ số thành phần, gồm có:

1. Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện thủ tục hành chính.
2. Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin.
3. Chi phí thực hiện thủ tục hành chính và tuân thủ quy định pháp luật.
4. Chi phí không chính thức.
5. Cạnh tranh bình đẳng.
6. Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương.
7. Hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh.
8. Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự.
9. Tiếp cận đất đai.

(Chi tiết tại Chương III, Mục 3. Hệ thống các chỉ số thành phần, chỉ tiêu DDCI của UBND các huyện, thành phố, thị xã tại Báo cáo kèm theo)

Điều 3. Đối tượng được đánh giá

- Các sở, ban ngành cấp tỉnh: 24 đơn vị, bao gồm:

(1) Sở Kế hoạch và Đầu tư, (2) Sở Tài chính, (3) Sở Tài nguyên và Môi trường, (4) Sở Xây dựng, (5) Sở Giao thông Vận tải, (6) Sở Công Thương, (7) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (8) Sở Văn hóa và Thể thao, (9) Sở Thông tin và Truyền thông, (10) Sở Y tế, (11) Sở Khoa học và Công nghệ, (12) Sở Giáo dục và Đào tạo, (13) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, (14) Sở Ngoại vụ, (15) Sở Tư pháp, (16) Sở Du lịch, (17) Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam, (18) Cục Thuế tỉnh, (19) Cục Hải quan tỉnh, (20) Cục Quản lý thị trường, (21) Bảo hiểm xã hội tỉnh, (22) Ngân hàng Nhà nước tỉnh, (23) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, (24) Công an tỉnh.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã: 21 đơn vị.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Các tổ chức, cơ quan, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *hđ*

- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Nghệ An, Đài PTTH Nghệ An;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc VPUBND tỉnh;
- Lưu VT; CN (TP, T.Tr)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Thanh An



UBND TỈNH NGHỆ AN

BÁO CÁO

**Phương pháp luận Bộ chỉ số năng lực
cạnh tranh của sở, ban, ngành cấp tỉnh và
UBND các huyện, thành phố, thị xã (DDCI)
tỉnh Nghệ An, năm 2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1291 /QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh Nghệ An)

Nghệ An, 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
DANH TỪ VIẾT TẮT	3
Chương I. GIỚI THIỆU CHUNG	4
1. Bối cảnh và sự cần thiết triển khai DDCI Nghệ An năm 2022.....	4
2. Những thông lệ tốt nhằm triển khai DDCI Nghệ An năm 2022 ở cấp sở, ban, ngành và địa phương.....	7
3. Mục tiêu của DDCI Nghệ An năm 2022	8
4. Nguyên tắc triển khai DDCI Nghệ An năm 2022 ở cấp sở, ban, ngành và địa phương.....	8
5. Những sáng kiến và điểm nổi bật trong DDCI Nghệ An năm 2022	10
Chương II. QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI KHẢO SÁT DDCI NGHỆ AN NĂM 2022.....	12
1. Quy trình triển khai DDCI Nghệ An năm 2022.....	12
2. Phương pháp khảo sát DDCI Nghệ An năm 2022.....	13
3. Phương pháp tính điểm và xếp hạng.....	19
Chương III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ CHỈ SỐ DDCI NGHỆ AN NĂM 2022. 23	
1. Cấu trúc của Bộ chỉ số DDCI Nghệ An năm 2022	23
2. Hệ thống các chỉ số thành phần, chỉ tiêu của DDCI cấp sở, ban, ngành.....	26
3. Hệ thống các chỉ số thành phần, chỉ tiêu của DDCI cấp địa phương.....	30
Chương IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN.....	36
1. Kế hoạch thực hiện.....	36
2. Cơ chế phối hợp thực hiện công việc.....	37

DANH TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CSTP	Chỉ số thành phần
DDCI	Department & District Competitiveness Index (<i>Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương</i>)
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
HKD	Hộ kinh doanh
DN	Doanh nghiệp
HTX	Hợp tác xã
MXH	Mạng xã hội
PCI	Provincial Competitiveness Index (<i>Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh</i>)
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TTHC	Thủ tục hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân
VCCI	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Chương I

GIỚI THIỆU CHUNG

1. Bối cảnh và sự cần thiết triển khai DDCI Nghệ An năm 2022

Những năm gần đây, nâng cao năng lực cạnh tranh đã mang lại nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế cho Việt Nam. Chính vì vậy, dù ở cấp độ quốc gia hay địa phương, vai trò của cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trở thành nhiệm vụ, động lực cải cách mạnh mẽ và thiết yếu. Tiếp nối sự thành công của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), nhiều địa phương trong cả nước đã xây dựng chương trình hành động, cải thiện riêng cho mình và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Trong đó, Nghệ An cũng là một trong những địa phương có nhiều hành động thiết thực nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh một cách thực chất. Vì vậy, để đạt được hiệu quả mang tính bền vững, tỉnh Nghệ An cần chủ động thay đổi một cách tích cực cũng như đề ra các chương trình cụ thể nhằm nâng cao năng lực điều hành, quản lý.

Năm 2022 là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã có những tác động tiêu cực và nặng nề đến mọi mặt từ kinh tế đến xã hội trong phạm vi cả nước nói chung và tỉnh Nghệ An nói riêng. Để khắc phục những khó khăn đó, tỉnh Nghệ An đã có những hành động quyết liệt, thực hiện nhiệm vụ vừa chống dịch hiệu quả, vừa đảm bảo kinh tế - xã hội phát triển.

Để đạt được những kết quả này phải kể đến đóng góp lớn của khối DN/HTX/HKD khi đây là nhóm đối tượng chiếm tỷ lệ lớn trong cơ sở sản xuất kinh doanh tại Nghệ An. Các cơ sở sản xuất kinh doanh này vừa góp phần gia tăng giá trị GRDP của tỉnh, vừa tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người dân. Để tận dụng tối đa các tiềm năng, đưa Nghệ An tiếp tục phát triển, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp, khuyến khích sự phát triển của khối hộ kinh doanh và hợp tác xã thì việc nâng cao năng lực cạnh tranh ở các cấp, các ngành là nội dung rất quan trọng.

Mức độ tác động của các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh do chính quyền 63 tỉnh, thành thực hiện trong thời gian qua được DN đánh giá thông qua nhiều cách thức, tiêu biểu trong số đó là Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI) tiến hành điều tra hàng năm. Đặc biệt, không chỉ dừng lại ở đánh giá PCI, trước thực tiễn nhu cầu cần đánh giá hiệu quả hoạt động của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã (UBND cấp huyện) cũng như bài học kinh nghiệm hiệu quả của đánh giá DDCI trong việc cải thiện năng lực cạnh tranh và tăng cường tính trách nhiệm, minh bạch, cải tổ của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện ở một số tỉnh như Lào Cai, Quảng Ninh, Bắc Ninh và Đồng Tháp, ... nhiều tỉnh thành khác đã bắt tay vào đánh giá môi trường kinh doanh của mình một cách sâu sắc hơn, trong đó có tỉnh Nghệ An.

Tại Nghệ An, đánh giá DDCI đã được triển khai trong năm 2020 và 2021 do Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện. Theo Thông báo số 187-TB/BCS ngày 12/7/2019 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh; Công văn số 8947/UBND-VX ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 28/7/2021, UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt đề án: Đánh giá năng lực cạnh tranh của chính quyền địa phương và sở, ban, ngành tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025 (DDCI - Department and District Competitiveness Index).

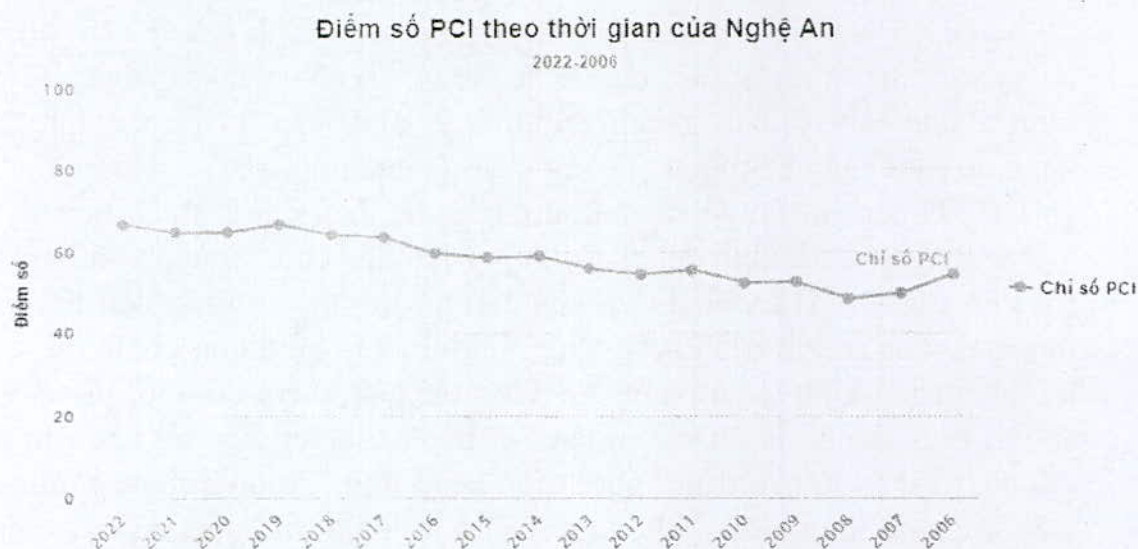
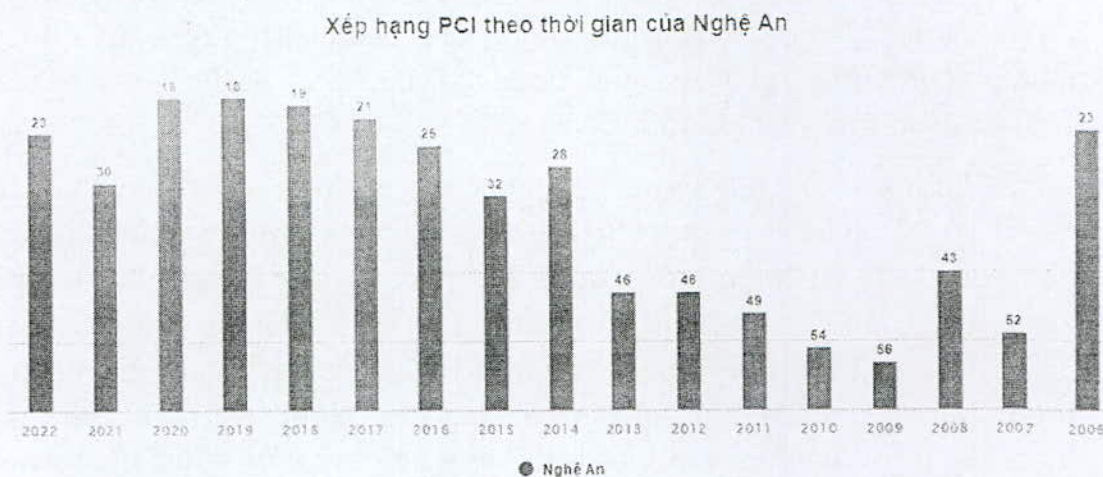
Trên cơ sở DDCI các năm vừa qua và trên tinh thần thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, UBND tỉnh Nghệ An ban hành Kế hoạch số 665/KH-UBND ngày 29/9/2022 về việc Xây dựng bộ chỉ số và khảo sát, đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Nghệ An năm 2022. Cách thực hiện này được đánh giá là một bước đi mạnh mẽ và nỗ lực cải cách của Nghệ An hướng tới cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh một cách toàn diện.

DDCI Nghệ An năm 2022 sẽ tập hợp các đánh giá về cảm nhận của các cơ sở sản xuất kinh doanh, cụ thể là các DN/HTX/HKD về công tác điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và lãnh đạo các cơ quan đó một cách hệ thống. Thông qua kết quả trên, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện sẽ có những đánh giá, điều chỉnh thích hợp để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại tỉnh. Mục tiêu cuối cùng chính là mang lại lợi ích cho các DN/HTX/HKD và nhà đầu tư, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch hơn, tăng niềm tin vào hệ thống chính quyền và động lực phát triển kinh tế tại Nghệ An. Hơn thế nữa, điểm đổi mới và toàn diện hơn so với cách đánh giá DDCI cũ là cách tiếp cận toàn diện tới các vấn đề chuyển đổi số, phát triển bao trùm, phát triển bền vững. Từ đó đưa ra những giải pháp toàn diện với mục đích “không ai bị bỏ lại phía sau” nhằm phát triển KT-XH một cách bền vững và ứng dụng công nghệ 4.0 hướng tới chuyển đổi số trong tương lai.

PCI năm 2022 của tỉnh Nghệ An đạt 66,60 điểm, xếp hạng thứ 23/63 tỉnh, thành phố cả nước (tăng so với vị trí 30/63 năm 2021), xếp hạng thứ 7/12 các tỉnh thuộc khu vực Duyên Hải Miền Trung. So với năm 2021, PCI của tỉnh tăng 1,86 điểm, 07 bậc trên bảng xếp hạng PCI cả nước. Theo đó, trong 10 chỉ số thành phần thì có 05 chỉ số tăng điểm so với năm 2021 là: Cạnh tranh bình đẳng (tăng 2,54 điểm), thiết chế pháp lý (tăng 0,91 điểm), tính năng động (tăng 0,55 điểm), chi phí không chính thức (tăng 0,47 điểm) và tính minh bạch (tăng 0,01 điểm), 5/10 chỉ số thành phần giảm điểm, đó là chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (giảm 0,93 điểm), đào tạo lao động (giảm 0,77 điểm), chi phí thời gian (giảm

0,49 điểm), tiếp cận đất đai (giảm 0,25 điểm), gia nhập thị trường (giảm 0,22 điểm).

Biểu đồ 1. Xếp hạng PCI của Nghệ An (2006 -2022)



Nguồn: Tổng hợp từ VCCI, VNCI/USAID

Với quyết tâm chính trị cao và mong muốn tiếp tục tạo những chuyển biến tích cực về môi trường đầu tư kinh doanh và xếp hạng chỉ số PCI của tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả những nhiệm vụ, nội dung theo kế hoạch của UBND tỉnh. Coi việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên.

Với những mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong thực hiện chỉ số PCI, Nghệ An quyết tâm thực hiện, cải thiện những mặt chưa đạt, phát huy hơn nữa các chỉ số đã thực hiện hiệu quả, nhằm hướng đến thang điểm cao nhất trong đánh

giá của các doanh nghiệp và đạt mục tiêu phấn đấu nằm trong top 10 chỉ số PCI cả nước.

2. Những thông lệ tốt nhằm triển khai DDCI Nghệ An năm 2022 ở cấp sở, ban, ngành và địa phương

DDCI Nghệ An năm 2022 được xây dựng nhằm thúc đẩy nhận thức và hành động để cải thiện công tác quản lý, điều hành kinh tế tại Nghệ An, với mục đích mang lại lợi ích tốt nhất cho các nhà đầu tư và DN/HTX/HKD, để hướng tới phát triển kinh tế - xã hội bao trùm. Điều này cũng trực tiếp mang lại lợi ích về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Sự kết hợp giữa thực tế của Việt Nam, kinh nghiệm quốc tế và quá trình triển khai DDCI trong những năm vừa qua cho thấy một số thông lệ tốt về điều hành, quản trị kinh tế được các nhà đầu tư, DN/HTX/HKD kỳ vọng và phù hợp với khả năng đáp ứng các cơ quan chính quyền cấp địa phương tại Việt Nam; đồng thời hướng tới phát triển kinh tế xã hội bao trùm. Hiệu quả trong thực hiện chính sách và quy định pháp luật với tinh thần vì nhà đầu tư, DN/HTX/HKD

- Chất lượng dịch vụ công liên tục được cải thiện với ứng dụng ngày một hiệu quả của chính phủ điện tử
- Minh bạch thông tin và đối xử công bằng với nhà đầu tư, DN/HTX/HKD
- Lãnh đạo chính quyền năng động, tiên phong, lắng nghe và hành động vì nhà đầu tư, DN/HTX/HKD
- Đối thoại thường xuyên có trách nhiệm với nhà đầu tư, DN/HTX/HKD và đề cao trách nhiệm giải trình
- Gia nhập thị trường dễ dàng, thuận tiện với chi phí thấp
- Dễ dàng và minh bạch trong tiếp cận đất đai và địa điểm kinh doanh
- Hiệu quả trong hoạt động cấp phép và thanh tra, kiểm tra
- Thủ tục hành chính được cải thiện mạnh mẽ và bộ phận một cửa hoạt động hiệu quả
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh thiết thực, hiệu quả, công bằng
- Chi phí không chính thức được đẩy lùi
- Các nội dung phát triển bao trùm, xã hội, các xu hướng phát triển như công nghiệp 4.0, chuyển đổi số... được quan tâm
- Môi trường, sinh thái, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh được chú trọng trong công tác điều hành, quản lý kinh tế
- Các giá trị văn hóa, lịch sử được chú trọng bảo tồn trong quá trình điều hành, quản lý kinh tế.

Những thông lệ tốt này được sử dụng làm nền tảng cho xây dựng Bộ chỉ số DDCI, là cơ sở hình thành thang điểm để các DN/HTX/HKD chấm điểm về chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện. Phương pháp luận chỉ số DDCI Nghệ An năm 2022 và các

công cụ như phiếu điều tra, công cụ xếp hạng đều tuân thủ và hướng đến các thông lệ tốt nêu trên. DDCI Nghệ An năm 2022 sẽ là chiếc gương phản chiếu chính xác cảm nhận của các DN/HTX/HKD về công tác quản lý, điều hành kinh tế của các cấp chính quyền, đồng thời là một nhiệt kế đo lường sự hài lòng về môi trường đầu tư, kinh doanh và cảm nhận về triển vọng kinh doanh tại Nghệ An.

3. Mục tiêu của DDCI Nghệ An năm 2022

3.1. Mục tiêu tổng quát

Nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm điều hành các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện để thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh tỉnh Nghệ An, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Nghệ An nhằm mục đích đánh giá năng lực điều hành của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và chính quyền cấp huyện, từ đó tạo động lực cải cách liên tục hướng đến tạo môi trường thuận lợi nhất cho nhà đầu tư, doanh nghiệp đang hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh .

Thu thập thông tin từ các cơ sở SXKD của tỉnh Nghệ An về cảm nhận, đánh giá của họ đối với năng lực điều hành kinh tế và nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư của chính quyền địa phương cấp huyện và các sở, ban, ngành cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Những đánh giá tổng hợp này sẽ được chính quyền cấp tỉnh sử dụng, làm cơ sở cho việc đề ra các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho các địa phương cấp huyện và các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

Thực hiện khảo sát, đánh giá năng lực điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện, thúc đẩy sự cạnh tranh, thi đua để nâng cao chất lượng điều hành kinh tế - xã hội

3.2. Mục tiêu cụ thể

+ Tạo động lực cải cách một cách quyết liệt, đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh;

+ Tạo sự cạnh tranh, thi đua và đánh giá về chất lượng điều hành kinh tế giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện;

+ Nâng cao hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh đến các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện;

+ Tạo kênh thông tin tin cậy, rộng rãi và minh bạch để nhà đầu tư, doanh nghiệp được tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bộ máy sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện;

+ Trên cơ sở kết quả DDCI, nghiên cứu giải pháp để nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) những năm tiếp theo.

4. Nguyên tắc triển khai DDCI Nghệ An năm 2022 ở cấp sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện

DDCI Nghệ An năm 2022 sẽ được xây dựng theo nguyên tắc:

a) *Nguyên tắc thực tế*: Chỉ số DDCI Nghệ An được xây dựng dựa trên nội dung liên quan trực tiếp tới năng lực điều hành và phản ánh được các chức năng, nhiệm vụ thực tế mà các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện đang chịu trách nhiệm đảm nhận.

b) *Nguyên tắc gắn kết trách nhiệm*: Nội dung của DDCI Nghệ An cần phản ánh được cảm nhận của các đối tượng điều tra về kết quả xử lý các thủ tục hành chính nói riêng, năng lực và thái độ phục vụ của từng sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện nói chung.

c) *Nguyên tắc khả thi*: Bộ chỉ số DDCI Nghệ An phải có khả năng cho thấy những khác biệt về năng lực điều hành kinh tế và hiệu quả cải cách hành chính liên quan đến đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư, các doanh nghiệp ở các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện.

d) *Nguyên tắc chính xác*: Phải đảm bảo tính chính xác về kết quả khảo sát DDCI Nghệ An. Phương pháp xây dựng chỉ số, cách thức tiến hành khảo sát và việc phân tích kết quả phải phản ánh trung thực, khách quan cảm nhận của các đối tượng trong mẫu điều tra. Bên cạnh đó, việc chọn mẫu khảo sát phải khoa học, thể hiện tính đại diện và độ tin cậy phù hợp.

e) *Nguyên tắc có ý nghĩa*: Kết quả rút ra từ khảo sát chỉ số DDCI Nghệ An phải có ý nghĩa với việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực điều hành kinh tế cấp sở, ban, ngành và cấp huyện; thể hiện qua việc kết quả phân tích chỉ số DDCI sẽ giúp chỉ ra ưu, nhược điểm, những điểm đã làm tốt và những điểm tồn tại hạn chế để các cơ quan, đơn vị có định hướng cải thiện; đồng thời tạo sự cạnh tranh, thi đua để nâng cao chất lượng điều hành kinh tế giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện.

f) *Nguyên tắc bảo mật*: Mã hóa và lưu trữ phiếu trả lời DDCI theo nguyên tắc bảo mật danh tính của các doanh nghiệp, tổ chức phản hồi khảo sát, thực hiện điều này sẽ giúp tạo dựng lòng tin của người trả lời phiếu khảo sát; đồng thời đáp ứng yêu cầu theo Luật Thống kê. Phải bảo mật thông tin kết quả DDCI đến thời điểm tổ chức công bố nhằm đảm bảo tính khách quan của kết quả đánh giá.

5. Những sáng kiến và điểm nổi bật trong DDCI Nghệ An năm 2022

a) *Phương pháp khoa học và hệ thống*: DDCI Nghệ An được xây dựng dựa trên kinh nghiệm đã thực hiện tại các địa phương, kinh nghiệm trước đó của Nghệ An và tham khảo ý kiến chuyên gia. Đồng thời, bộ tiêu chí cũng được nghiên cứu, đánh giá so với PCI.

b) *Vừa cập nhật vừa duy trì các CSTP hàng năm*: Bộ chỉ số DDCI Nghệ An năm 2022 vừa phản ánh kịp thời nhịp độ cải cách của các cơ quan tại tỉnh, với các chỉ tiêu phù hợp, đo lường được chất lượng quản lý, điều hành vừa phải giữ được tính ổn định qua thời gian, để làm cơ sở so sánh cho các cơ quan đánh giá chính xác những thay đổi, biến động về chất lượng điều hành kinh tế và kiểm nghiệm mối liên hệ với hiệu quả kinh doanh của DN/HTX/HKD.

c) *Cải tiến và hoàn thiện những CSTP thông qua kinh nghiệm của các địa phương đã triển khai*: Những CSTP hiện có cũng được chỉnh lý và hoàn thiện hơn. Ví dụ, CSTP “Chi phí gia nhập thị trường” được điều chỉnh về việc thực hiện TTHC trực tuyến xuất phát từ thực tiễn và gộp 2 chỉ tiêu số lần đi lại để hoàn thành bộ hồ sơ và số lần đi lại để nhận được giấy đăng ký, do thực tế cho thấy nhiều cơ quan đã áp dụng trả kết quả qua đường bưu điện và các cơ sở không phải đi lại quá nhiều lần. Ngoài ra, trong vài trường hợp, cách đặt câu hỏi được điều chỉnh để người đọc dễ hiểu hơn và đánh giá cảm nhận một cách chính xác.

d) *Câu hỏi mở*: Trong phiếu khảo sát DDCI Nghệ An năm 2022 có phần đóng góp ý kiến với một số câu hỏi mở để các DN/HTX/HKD đóng góp ý kiến thêm về những vấn đề chính mà họ thấy cần cải thiện trong thời gian tới. Những ý kiến này sẽ được tổng hợp và đề xuất (nếu có) trong báo cáo cuối cùng.

e) *Phương pháp khảo sát đa dạng và đẩy mạnh khảo sát trực tuyến*: Trước xu thế hiện nay, việc khảo sát trực tuyến trên nền tảng platform sẽ được tăng cường sử dụng. Để hình thức này được triển khai hiệu quả, hoạt động truyền thông cần được đẩy mạnh và đặc biệt là sự hỗ trợ của các cán bộ điều tra để hướng dẫn và theo dõi tiến độ và chất lượng phiếu trả lời. Ngoài ra, hình thức gửi thư điện tử đến các DN/HTX/HKD ngoài danh sách mẫu để thu thập thêm ý kiến đánh giá cũng được xem xét thực hiện.

f) *Lồng ghép các yếu tố về phát triển bao trùm, bền vững, xã hội, và môi trường*: Nội dung và phương pháp tiếp cận mới của DDCI Nghệ An sẽ lồng ghép các vấn đề về phát triển bao trùm, bền vững, môi trường và các khía cạnh xã hội, giá trị văn hóa, lịch sử thông qua việc lồng ghép các yếu tố này vào toàn bộ quá trình khảo sát, điều tra, công bố kết quả, lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch hành động.

DDCI Nghệ An năm 2022 đề cập tới những vấn đề về môi trường, sinh thái, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh trong khảo sát; các vấn đề về xã hội, phát triển bền vững; các vấn đề phát triển trong thời kì công nghiệp 4.0, chuyển đổi số... Vượt khỏi cách tiếp cận truyền thống, DDCI sẽ đánh giá chất lượng

quản lý, điều hành kinh tế của các cơ quan, chính quyền địa phương từ các góc độ này. Bằng cách đó, DDCI sẽ khuyến khích chính quyền tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện chú ý và quan tâm đúng mức về hoạt động quản lý, điều hành kinh tế tại Nghệ An, đảm bảo hài hòa các vấn đề về phát triển bao trùm, xã hội và môi trường trong quá trình phát triển kinh tế.

g) Đánh giá chi phí do dịch thiên tai, dịch bệnh gây ra: Dưới ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh những năm gần đây, nhiều DN/HTX/HKD phải đối mặt với rất nhiều khó khăn để ổn định và duy trì sản xuất kinh doanh. Vừa phải đảm bảo phòng, chống thiên tai, dịch bệnh vừa đảm bảo sản xuất kinh doanh an toàn nên các DN/HTX/HKD phát sinh thêm nhiều chi phí. DDCI Nghệ An năm 2022 sẽ đi sâu vào tìm hiểu và phân tích những khoản chi phí đang gây áp lực rất lớn lên khối kinh tế này, cũng như mức độ ủng hộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, thiên tai trong thời gian qua.

Để phản ánh được tiếng nói của các cơ sở kinh tế tới các cấp chính quyền thì tiếp tục lắng nghe và tháo gỡ những khó khăn cho DN/HTX/HKD trong quá trình phòng, chống thiên tai, dịch bệnh là rất cần thiết. Do đó, DDCI với vai trò là cầu nối và phản ánh bức tranh môi trường đầu tư, kinh doanh ở tỉnh Nghệ An sẽ tiếp tục duy trì những nội dung này trong quá trình triển khai DDCI Nghệ An năm 2022.

h) Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong triển khai DDCI Nghệ An năm 2022: Trên kinh nghiệm và thực tiễn triển khai DDCI năm 2020, 2021 tại tỉnh Nghệ An và các tỉnh khác, DDCI Nghệ An năm 2022 tiếp tục được nâng cấp và cải thiện phương pháp luận cũng như cách thức triển khai, với mục tiêu đảm bảo DDCI phản ánh chính xác hơn, kịp thời hơn, toàn diện hơn các mặt quản lý, điều hành kinh tế tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện. Phương pháp luận được hiệu chỉnh cho phép tăng cường sử dụng các ứng dụng CNTT và nền tảng internet để hỗ trợ cho việc triển khai DDCI Nghệ An năm 2022, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho việc triển khai, thực hiện, khai thác và sử dụng kết quả DDCI, phục vụ cho công tác điều hành, lập kế hoạch cải thiện chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện; qua đó nâng cao chất lượng môi trường tư, kinh doanh và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Quy trình triển khai DDCI Nghệ An đã được chuẩn hóa, xây dựng trên nền tảng trực tuyến (platform). Nền tảng công nghệ đang được ứng dụng đối với DDCI Nghệ An hiện tại cho phép toàn bộ quá trình điều tra, xử lý số liệu và trả kết quả điều tra được thực hiện trực tuyến với sự hỗ trợ của công nghệ điện toán đám mây. DDCI Nghệ An năm 2022 dự kiến sẽ đẩy mạnh việc khuyến khích triển khai khảo sát trực tuyến. Điều này cũng cho phép tỉnh nắm bắt được kết quả về đánh giá chất lượng công tác điều hành toàn diện, gần như tức thời sau khi hoạt động điều tra, khảo sát được hoàn thành.

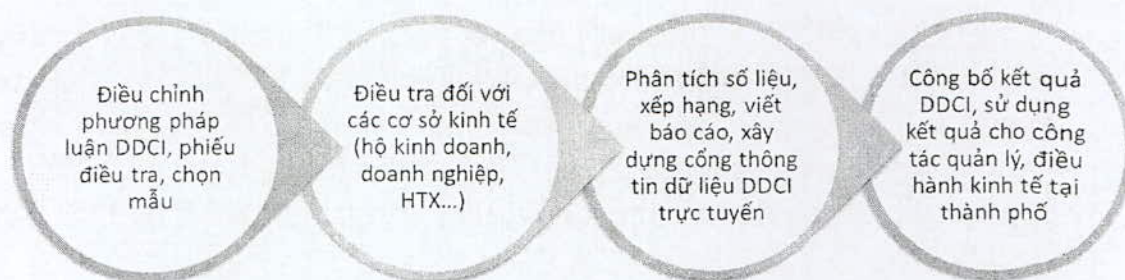
Chương II

QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI KHẢO SÁT DDCI NGHỆ AN NĂM 2022

1. Quy trình triển khai DDCI Nghệ An năm 2022

Do sự đa dạng của các hoạt động, các phương pháp và cách tiếp cận khác nhau được đơn vị tư vấn kết hợp sử dụng. Ngoài ra, phương pháp tham vấn với sự tham gia chặt chẽ của các bên liên quan địa phương sẽ là nguyên tắc chung bao quát trong tất cả các hoạt động.

Quy trình triển khai DDCI Nghệ An năm 2022 được chia thành bốn bước chính như sau:



Bước 1: Xây dựng phương pháp luận DDCI và phiếu điều tra: Việc xây dựng, hoàn thiện Phương pháp luận chỉ số DDCI Nghệ An năm 2022 sẽ dựa trên việc nghiên cứu tình hình thực tiễn, dựa trên nghiên cứu, đánh giá các chỉ tiêu của Bộ chỉ số PCI, rà soát các mô hình đánh giá DDCI của các tỉnh thành và trên cơ sở thực tiễn DDCI địa phương.

Việc xây dựng, hiệu chỉnh Phương pháp luận chỉ số DDCI Nghệ An năm 2022 sẽ đồng thời với việc xây dựng, hiệu chỉnh lại các công cụ khảo sát và phân tích, xử lý dữ liệu.

Bước 2: Tiến hành điều tra đối với các cơ sở kinh tế (DN/HTX/HKD): DDCI Nghệ An năm 2022 sẽ khảo sát các DN/HTX/HKD với số phiếu dự kiến thu về là 2.000 phiếu thông qua khảo sát trực tuyến và trực tiếp. Các phiếu thu về sẽ được rà soát, giám sát nhằm đảm bảo chất lượng phiếu trả lời, sau đó sẽ được làm sạch, phê duyệt và nhập liệu vào hệ thống xử lý dữ liệu.

Bước 3: Phân tích số liệu và xây dựng báo cáo xếp hạng: Đơn vị tư vấn sẽ thực hiện tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu khảo sát, điều tra DDCI Nghệ An năm 2022, tính toán điểm số và xếp hạng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện, từ đó xây dựng báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt về DDCI Nghệ An năm 2022

Bước 4: Phê duyệt và công bố kết quả đánh giá DDCI: Căn cứ văn bản đề nghị của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Nghệ An, UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức công bố kết quả điểm số, xếp hạng và Báo cáo

kết quả đánh giá DDCI Nghệ An năm 2022. Sau đó, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Nghệ An phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện chia sẻ dữ liệu thống kê, báo cáo phân tích, đánh giá, kết quả điểm số và xếp hạng DDCI Nghệ An năm 2022 trên môi trường Internet.

2. Phương pháp khảo sát DDCI Nghệ An năm 2022

2.1. Đối tượng tham gia khảo sát

a) DDCI cấp sở, ban, ngành

Đối tượng trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp sở, ban, ngành của Nghệ An năm 2022 chủ yếu là DN và HTX. Trong một số trường hợp, các HKD có thể lựa chọn tham gia đánh giá phiếu khảo sát DDCI cấp sở, ban, ngành khi các HKD đó thực sự có tương tác về quản lý điều hành hoặc thực hiện TTHC với sở, ban, ngành. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thống nhất, trong các tài liệu về sau sẽ sử dụng thuật ngữ “DN/HTX” để đại diện chung cho các đối tượng đánh giá DDCI cấp sở, ban, ngành.

b) DDCI cấp địa phương

Đối tượng trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương của Nghệ An năm 2022 chủ yếu là các HKD. Ngoài ra, các HTX hoặc DN có đăng ký hoặc hoạt động ở huyện, thị xã, thành phố và có tương tác với chính quyền địa phương cũng có thể lựa chọn trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thống nhất, các tài liệu về sau sẽ sử dụng thuật ngữ “HKD” để đại diện chung cho các đối tượng đánh giá DDCI cấp địa phương.

Ngoài ra, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An, Liên minh Hợp tác xã, các Hội, Hiệp hội Doanh nghiệp trong tỉnh và trên các huyện, thị xã, thành phố... sẽ đại diện cho tiếng nói của hội viên (các DN/HTX/HKD) đánh giá đối với tất cả các sở, ngành mà doanh nghiệp hội viên của mình có tương tác thông qua việc thực hiện TTHC dịch vụ công và với 01 địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc địa bàn của mình.

2.2. Đối tượng đánh giá

a) DDCI cấp sở, ban, ngành

DDCI cấp sở, ban, ngành của Nghệ An năm 2022 tiến hành đánh giá 24 sở, ban, ngành, cụ thể như sau: (1) Kế hoạch và Đầu tư, (2) Tài chính, (3) Tài nguyên và Môi trường, (4) Xây dựng, (5) Giao thông Vận tải, (6) Công Thương, (7) Cục Quản lý thị trường; (8) Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (9) Văn hóa và Thể thao, (10) Thông tin và Truyền thông, (11) Y tế, (12) Khoa học và Công nghệ, (13) Giáo dục và Đào tạo, (14) Lao động - Thương binh và Xã hội, (15) Ngoại vụ, (16) Tư pháp, (17) Du lịch, (18) Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam, (19) Cục Thuế tỉnh, (20) Cục Hải quan tỉnh, (21) Bảo hiểm xã hội tỉnh, (22) Ngân hàng Nhà nước tỉnh, (23) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, (24) Công an tỉnh.

Để tìm hiểu sâu sắc hơn về các lĩnh vực thuộc sở ban ngành dưới góc độ đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp, DDCI Nghệ An sẽ đánh giá theo lĩnh vực quản lý tại các sở, ban, ngành liên quan đến môi trường kinh doanh. Cụ thể như sau:

DDCI SỞ, BAN, NGÀNH

DDCI sở, ban, ngành sẽ tập trung đánh giá các sở, ban, ngành cấp tỉnh như sau:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư
2. Sở Tài chính
3. Sở Tài nguyên và Môi trường
4. Sở Xây dựng
5. Sở Giao thông vận tải
6. Sở Công Thương
7. Cục Quản lý thị trường
8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9. Sở Văn hóa, Thể thao
10. Sở Thông tin và Truyền thông
11. Sở Y tế
12. Sở Khoa học và Công nghệ
13. Sở Giáo dục và Đào tạo
14. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
15. Sở Ngoại vụ
16. Sở Tư pháp
17. Sở Du lịch
18. BQL Khu Kinh tế Đông Nam
19. Cục Thuế
20. Cục Hải quan
21. Bảo hiểm Xã hội
22. Ngân hàng NN chi nhánh tỉnh
23. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh
24. Công an tỉnh

Thông qua điều tra DDCI, có thể dễ dàng chẩn đoán được về chất lượng điều hành trong các lĩnh vực cụ thể như sau:

1. Đăng ký Kinh doanh
2. Đầu tư
3. Tài chính
4. Đất đai
5. Tài nguyên Môi trường
6. Xây dựng
7. Giao thông, vận tải
8. Công nghiệp, Thương mại
9. Quản lý thị trường
10. Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản
11. Văn hóa, Thể thao
12. Thông tin, Truyền thông, Viễn thông
13. Y tế
14. Khoa học, Công nghệ
15. Giáo dục, Đào tạo
16. Lao động, Dạy nghề và An toàn lao động
17. Ngoại vụ
18. Tư pháp
19. Du lịch
20. Quản lý Khu Kinh tế
21. Thuế
22. Hải quan
23. Bảo hiểm xã hội
24. Ngân hàng, tín dụng
25. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh
26. Phòng cháy chữa cháy – CA tỉnh
27. Lĩnh vực khác liên quan MTKD (Quản lý phương tiện giao thông cơ giới, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, môi trường...) – CA tỉnh

DDCI đánh giá về hiệu quả quản trị kinh tế, quản trị công, sự hài lòng của DN, HTX, HKD, cơ sở kinh tế đối với lĩnh vực quản lý dành cho các đối tượng này. Như vậy, cần lưu ý rằng đối với các sở, ban, ngành có chức năng, nhiệm vụ chính khác ngoài nhiệm vụ về cung cấp dịch vụ công cho DN, HTX, HKD, các cơ sở kinh tế, DDCI chỉ đánh giá, xếp hạng các sở, ban,

ngành này từ góc độ này chứ không phải toàn bộ chất lượng quản trị công của sở, ban, ngành đó. Ví dụ như Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ... sẽ chỉ về các lĩnh vực quản lý của sở với DN, HTX, HKD, cơ sở kinh tế mà không về các lĩnh vực chuyên môn khác của các sở, ban, ngành này.

b) DDCI cấp địa phương

DDCI cấp địa phương của Nghệ An năm 2022 đánh giá chất lượng điều hành của 21 đơn vị UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

2.3. Phương pháp chọn mẫu

Danh sách mẫu khảo sát được tổng hợp từ danh sách tổng hợp các DN/HTX/HKD đã thực hiện thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công hoặc có tương tác công việc tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện do các đơn vị này cung cấp; danh sách DN/HTX/HKD đang hoạt động do Cục Thống kê tỉnh cung cấp cùng với danh sách DN/HTX/HKD có thực hiện nghĩa vụ nộp thuế do Cục Thuế tỉnh cung cấp. Đơn vị tư vấn kết hợp đơn vị thống kê sử dụng ba danh sách trên để có thể xác định dàn mẫu đảm bảo tính ngẫu nhiên để tránh trường hợp chỉ lựa chọn mẫu tốt hoặc lựa chọn quá nhiều mẫu đánh giá tiêu cực và tính đại diện để đảm bảo các DN/HTX/HKD ở các lĩnh vực, ngành nghề được tham gia khảo sát, đánh giá và phản ánh được chính xác tổng thể mẫu ở tỉnh. Ngoài ra, một lý do quan trọng khác là để tránh tình trạng danh sách chỉ có những DN/HTX/HKD có quá trình thực hiện TTHC tốt, không phát sinh vấn đề được lựa chọn, đơn vị tư vấn kết hợp cùng danh sách các DN/HTX/HKD do Cục Thống kê và Cục Thuế tỉnh cung cấp để bổ sung thêm mẫu vào danh sách khảo sát với những trường hợp thiếu mẫu hoặc cần mẫu bổ sung. Những DN/HTX/HKD này vẫn đảm bảo đúng các tiêu chí chọn mẫu, đủ hiểu biết về các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện để đánh giá chính xác và khách quan.

Việc chọn mẫu sẽ thực hiện theo các bước như sau:

- Bước 1: Tổng hợp, rà soát và xác minh lại danh sách mẫu từ 3 đầu mối cung cấp. Đơn vị tư vấn sẽ loại bỏ các mẫu trùng lặp (do 1 DN/HTX/HKD có thể thực hiện nhiều thủ tục hành chính khác nhau ở 1 cơ quan) và làm sạch danh sách để tránh trùng mẫu (tránh trường hợp một DN/HTX/HKD đánh giá nhiều lần một đơn vị).
- Bước 2: Dựa trên số lượng mẫu tổng thể được tổng hợp, đơn vị tư vấn sẽ tiến hành xây dựng khung chọn mẫu bằng cách tính toán Tỷ lệ và số lượng phân bổ mẫu dự kiến cho 2 phiếu khảo sát DDCI cấp sở, ban, ngành và DDCI cấp địa phương.
- Bước 3: Tiến hành chọn mẫu theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên theo tỷ lệ đảm bảo các nguyên tắc cơ bản như có ý nghĩa thống kê (tức là số DN/HTX/HKD đạt được mức tối thiểu đối với từng đơn vị) và phù hợp với tỷ lệ DN/HTX/HKD thực hiện TTHC hoặc đang hoạt

động ở địa phương (đơn vị nào có nhiều DN/HTX/HKD thực hiện TTHC/đang hoạt động ở địa phương thì lấy mẫu nhiều hơn đơn vị có ít DN/HTX/HKD thực hiện TTHC/đang hoạt động ở địa phương).

Trong quá trình chọn mẫu này, đơn vị tư vấn đồng thời xây dựng một số lượng mẫu dự phòng cũng theo các nguyên tắc chọn ngẫu nhiên để thay thế trong trường hợp không thể liên lạc được DN/HTX/HKD hoặc DN/HTX/HKD không hợp tác trả lời phiếu khảo sát.

a) Chọn mẫu khảo sát đối với phiếu khảo sát DDCI cấp sở, ban, ngành

Các DN/HTX được lựa chọn để đánh giá những lĩnh vực mà họ đã từng làm việc hoặc có đủ hiểu biết về các sở, ban, ngành cấp tỉnh thông qua các mẫu phiếu đánh giá 27 lĩnh vực của 24 sở, ban, ngành cấp tỉnh. Phương pháp được sử dụng là phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên và theo Tỷ lệ DN/HTX có tương tác với các sở, ban, ngành cấp tỉnh (theo danh sách mẫu mà các sở, ban, ngành đã cung cấp trước đó). Đối với một số sở, ban, ngành cấp tỉnh có ít DN/HTX tương tác sẽ ưu tiên lấy mẫu trước và lấy mẫu gần như toàn bộ danh sách mà sở, ban, ngành cung cấp cũng như bổ sung thêm mẫu dựa trên phân loại ngành nghề đặc thù có tương tác và hiểu biết về sở, ban, ngành đó. Đồng thời, để cân đối Tỷ lệ phân bố mẫu giữa các sở, ban, ngành, việc chọn mẫu khảo sát cũng giới hạn số lượng mẫu đối với các sở, ban, ngành có số lượng DN/HTX tương tác lớn (Cơ quan Thuế, Bảo hiểm xã hội, Hải quan,...) cho phù hợp.

Mẫu khảo sát cho DDCI cấp sở, ban, ngành cấp tỉnh được lựa chọn trên nguyên tắc đảm bảo bao quát các lĩnh vực chức năng quản lý nhà nước, điều hành kinh tế và dịch vụ công của sở, ban, ngành.

Việc chọn mẫu khảo sát sẽ đảm bảo mỗi sở, ban, ngành thực hiện các lĩnh vực quản lý nhà nước/dịch vụ công phải có tối thiểu 30 phiếu trả lời/1 lĩnh vực. Với các sở, ban, ngành có cỡ mẫu nhỏ hơn 30, sẽ đánh giá toàn bộ các DN/HTX thực hiện TTHC và sử dụng dịch vụ công với sở, ban, ngành đó như đã nêu trên.

Trong giới hạn nguồn lực, để tối đa hóa số lượng phiếu thu về, khảo sát sở ban ngành sẽ áp dụng các mẫu phiếu. Mỗi mẫu phiếu câu hỏi sẽ bao quát 1-3 lĩnh vực quản lý nhà nước. Tức là, mỗi doanh nghiệp trả lời sẽ trả lời câu hỏi cho 1-3 lĩnh vực. Phiếu sẽ bắt đầu bằng:

- Lĩnh vực quản lý nhà nước/ dịch vụ công mà doanh nghiệp đó có tương tác với chính quyền mà không phải các doanh nghiệp khác đều biết
- Lĩnh vực quản lý nhà nước/ dịch vụ công mà tất cả các doanh nghiệp khác đều tham gia và đều biết.

Việc ghép các lĩnh vực lại trong cùng một mẫu phiếu dựa trên ý kiến chuyên gia, góp ý từ địa phương, thực tiễn địa phương và dựa trên kinh nghiệm thực tế các lĩnh vực có liên quan đến nhau. Tuy có nhiều mẫu phiếu khác nhau cho các nhóm lĩnh vực quản lý khác nhau, nhưng các phiếu cho từng lĩnh vực

đều giống nhau về câu hỏi, phương án trả lời. Việc phân loại như vậy nhằm đạt được mục đích tạo điều kiện dễ dàng, thuận lợi, tiết kiệm cho quá trình điều tra, khảo sát. Đơn vị khảo sát chỉ cần lấy đúng mẫu phiếu cho đúng đối tượng DN/HTX điều tra nằm trong mẫu. Việc mã hóa số liệu sẽ giống hết nhau, chỉ khác biệt là sẽ phải lựa chọn lĩnh vực quản lý nhà nước/ dịch vụ công cho đúng.

Bằng cách này, cũng sẽ giảm được độ dài của bảng câu hỏi, cũng như lĩnh vực mà cần hỏi doanh nghiệp, song lại đảm bảo được các lĩnh vực quản lý nhà nước/ dịch vụ công sẽ được bao quát đầy đủ với số lượng phiếu điều tra tối thiểu, cần thiết. Dự kiến DDCI cấp sở, ban, ngành sẽ tiếp cận khoảng 1.000 DN/HTX, thu về tối thiểu 800 phiếu khảo sát DN/HTX. Đồng thời, cùng với đó là phiếu điều tra từ chi nhánh VCCI tại Nghệ An, hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (đánh giá đối với toàn bộ các sở, ngành có liên quan).

b) Chọn mẫu khảo sát đối với phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương

Phương pháp được sử dụng cho phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương cũng là phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên nhưng theo cách phân tầng đồng tỷ lệ tại mỗi địa phương để đảm bảo tính đại diện của tất cả các nhóm cơ sở SXKD (chủ yếu là HKD) theo số lượng, ngành nghề sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ này được tính toán dựa trên Tỷ lệ số HKD ở địa phương đó trên tổng số HKD của tỉnh. Với các địa phương có số lượng HKD thấp, mẫu HKD sẽ được điều chỉnh nhằm đảm bảo số lượng mẫu tối thiểu về mặt thống kê và cân đối với các địa phương có số lượng HKD lớn.

Dự kiến khảo sát DDCI cấp địa phương tiếp cận khoảng 1.500 mẫu, thu về tối thiểu 1.200 phiếu khảo sát cơ sở SXKD cấp huyện. Dựa trên số lượng, tỷ lệ cơ sở SXKD phân bố trên địa bàn tỉnh theo địa phương và theo ngành nghề, năm 2022, để đảm bảo tính khoa học của chỉ số và hiệu quả của nguồn lực tài chính trong giới hạn cho phép của tỉnh, năm 2022, số mẫu cấp địa phương được phân bổ dự kiến như sau:

Phân ngành SXKD	Tổng số (I+II+III)	I. Nông - lâm - thủy sản	II Công nghiệp - xây dựng	III. Thương mại, DV
Toàn tỉnh	1.200	117	117	966
Vinh	120	2	2	116
Cửa Lò	45	2	2	41
Thái Hoà	45	2	2	41
Quế Phong	40	1	1	38
Quỳ Châu	40	6	6	28
Kỳ Sơn	40	3	3	34
Tương Dương	40	4	4	32
Nghĩa Đàn	45	7	7	31
Quỳ Hợp	45	2	2	41
Quỳnh Lưu	90	19	19	52

Con Cuông	40	5	5	30
Tân Kỳ	45	6	6	33
Anh Sơn	45	5	5	35
Diễn Châu	90	10	10	70
Yên Thành	85	11	11	63
Đô Lương	70	7	7	56
Thanh Chương	70	6	6	58
Nghi Lộc	60	5	5	50
Nam Đàn	55	6	6	43
Hung Nguyên	45	5	5	35
Hoàng Mai	45	3	3	39

Bên cạnh đó, với vai trò là đại diện tiếng nói cho các doanh nghiệp hội viên, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An, Liên minh Hợp tác xã, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Nghệ An; Hội Doanh nghiệp Nhỏ và vừa Nghệ An; Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Nghệ An; Hội doanh nghiệp tiêu biểu Nghệ An; Hội Doanh nghiệp nữ tỉnh Nghệ An; Hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Cửa Lò; Hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa thị xã Thái Hòa; Hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Quế Phong; Hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa huyện Quỳnh Châu; Hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa huyện Quỳnh Hợp và Hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ thị xã Hoàng Mai... sẽ tham gia đánh giá đối với các sở, ban, ngành và địa phương. VCCI chi nhánh Nghệ An, Liên minh hợp tác xã, các Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh sẽ tham gia đánh giá đối với toàn bộ các sở, ban, ngành và các địa phương trong tỉnh. VCCI chi nhánh Nghệ An, Liên minh HTX, Các hội doanh nghiệp, hội doanh nhân trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố sẽ đánh giá đối với tất cả các sở, ban, ngành mà doanh nghiệp hội viên của mình có tương tác thông qua việc thực hiện TTHC dịch vụ công và với 01 địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc địa bàn của mình.

Phiếu đánh giá của VCCI chi nhánh tỉnh, Liên minh Hợp tác xã thành phố, các hiệp hội doanh nghiệp trong tỉnh, Hội Doanh nghiệp - Doanh nhân các huyện, thị xã, thành phố là phiếu đại diện cho tiếng nói các hội viên của các đơn vị này.

Đối với mỗi một sở, ban, ngành hay địa phương được hiệp hội đánh giá, chỉ có 01 một phiếu đánh giá chung của hiệp hội, đại diện cho tiếng nói chung của tất cả các hội viên trong hiệp hội đối với sở, ban, ngành hay địa phương đó. Như vậy, khảo sát DDCI Nghệ An năm 2022 sẽ tiếp cận khoảng 2.500 cơ sở sản xuất kinh doanh, tổng cỡ phiếu thu về của DDCI Nghệ An năm 2022 là 2.000 phiếu đối với doanh nghiệp, HTX và HKD (bao gồm dự kiến tối thiểu 800 phiếu dành cho phiếu khảo sát DDCI cấp sở, ban, ngành và tối thiểu 1.200 phiếu dành cho phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương) + phiếu điều tra từ chi nhánh VCCI tại Nghệ An, hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (đánh giá đối với toàn bộ các sở, ban, ngành và địa phương).

2.4. Cách thức tiếp cận điều tra

a) Khảo sát trực tiếp

Phương pháp phỏng vấn trực tiếp các DN, HTX, HKD theo danh sách mẫu đã được lựa chọn là phương pháp điều tra chính và chủ yếu trong điều tra DDCI Nghệ An năm 2022. Nhóm đối tượng chủ yếu của phương pháp khảo sát trực tiếp là các DN/HTX/HKD ở phiếu khảo sát cấp địa phương và phiếu khối sở, ban, ngành. Theo đó, đơn vị tư vấn sẽ phối hợp với Cục Thống kê tổ chức, bố trí nhiệm vụ khảo sát, thu thập số liệu thông qua mạng lưới các điều tra viên ở các địa phương.

b) Khảo sát trực tuyến

DDCI Nghệ An năm 2022 cần được khuyến khích đẩy mạnh hình thức khảo sát trực tuyến trên nền tảng platform để những năm tiếp theo có thể tự tin chuyển đổi sang hình thức này. Đây là hình thức khảo sát nhanh chóng, hiệu quả và đảm bảo an toàn trong bối cảnh thiên tai, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp. Tuy nhiên số liệu thu về vẫn được kiểm soát chặt chẽ bởi Cục Thống kê và đơn vị tư vấn (Khảo sát bằng phiếu trực tuyến trên trang web: <https://nghean.ddci.org.vn/Online>). Công cụ thiết kế theo hướng đơn giản, tiện dụng và dễ sử dụng với người dùng, đính kèm hướng dẫn cụ thể, tiếp cận công nghệ thông tin tốt và khả năng phản hồi cao.

Ngoài ra, trong trường hợp DN/HTX/HKD không thể khảo sát trực tuyến qua nền tảng platform, đơn vị tư vấn và Cục Thống kê tỉnh sẽ thực hiện hình thức gửi thư điện tử (e-mail) đến các DN/HTX/HKD đó để mời tham gia khảo sát. Tuy nhiên, để hình thức khảo sát trực tuyến này có được phản hồi tốt cần đẩy mạnh công tác truyền thông tới các DN/HTX/HKD cũng như sự hỗ trợ, theo dõi tiến độ, thúc đẩy tiến độ phản hồi của cán bộ thống kê trong vai trò hướng dẫn từ xa.

2.5. Thời gian điều tra

Thời gian điều tra khảo sát dự kiến từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2023.

Thời hiệu của các thông tin, dữ liệu về cảm nhận, chấm điểm của DN/HTX/HKD đối với các nội dung được khảo sát là đối với năm 2022.

3. Phương pháp tính điểm và xếp hạng

3.1. Tính điểm các chỉ số thành phần

Các chỉ số DDCI được chuẩn hóa điểm theo thang điểm từ 1-5 với mức độ cảm nhận từ rất xấu đến tốt (cảm nhận tốt dần lên). Các thông số đều được sắp xếp theo hướng tích cực tăng dần (giá trị càng cao càng tốt).

Đến đây, việc tính toán điểm chỉ số thành phần ở mỗi sở, ban, ngành được thực hiện bằng cách lấy bình quân điểm tất cả thông số của sở, ban, ngành đó. Do đó, cách tính điểm chỉ số thành phần thông thường sẽ theo phương thức lấy bình quân điểm các thông số:

$$Dept_t = \frac{P_1 + P_2 + P_3 + \dots + P_m}{m}$$

Trong đó:

Dept_t: điểm chỉ số thành phần thứ t; có 8 chỉ số thành phần được sử dụng để tính điểm nên t nhận giá trị từ 1-8;

m: số lượng các chỉ tiêu tính điểm trong chỉ số thành phần *Dict_t*; tùy từng chỉ số thành phần số lượng chỉ tiêu sẽ khác nhau.

P₁, P₂, P₃,..., P_m: là điểm số của chỉ tiêu thứ 1;2;3;...;m (với m là số tự nhiên dương).

Tương tự, việc tính toán điểm các chỉ số thành phần DDCI huyện, thị xã, thành phố cũng được thực hiện bằng cách lấy bình quân điểm tất cả các thông số. Cách tính điểm như sau:

$$Dict_t = \frac{P_1 + P_2 + P_3 + \dots + P_m}{m}$$

Trong đó:

Dict_t: điểm chỉ số thành phần thứ t; có 9 chỉ số thành phần được sử dụng để tính điểm nên t nhận giá trị từ 1-9;

m: số lượng các chỉ tiêu tính điểm trong chỉ số thành phần *Dict_t*; tùy từng chỉ số thành phần số lượng chỉ tiêu sẽ khác nhau.

P₁, P₂, P₃,..., P_m: là điểm số của chỉ tiêu thứ 1;2;3;...;m (với m là số tự nhiên dương).

3.2. Xếp hạng

Điểm số của các chỉ tiêu và chỉ số thành phần sẽ được quy đổi về thang điểm 10, sau đó tổng hợp lại thành điểm số DDCI cuối cùng.

Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu quan trọng sẽ được phân tích, so sánh giữa toàn bộ các sở, ban, ngành hoặc toàn bộ các địa phương.

Điểm số DDCI cấp sở, ban, ngành và điểm số DDCI cấp địa phương cuối cùng sẽ được quy đổi tiếp về thang điểm 100 để thực hiện xếp hạng từ cao đến thấp theo nhóm xếp hạng: DDCI cấp sở, ban, ngành và DDCI cấp địa phương.

Đối với DDCI sở, ban, ngành, do nhiệm vụ, chức năng của các sở, ban, ngành là khác biệt. Một số sở, ban, ngành có nhiều tương tác với các DN/HTX và có đối tượng phục vụ chính là DN/HTX. Trong khi đó, một số sở, ban, ngành lại có đối tượng phục vụ chính không phải là các DN/HTX. DDCI là chỉ số chỉ đánh giá về chất lượng quản trị công, điều hành kinh tế, nỗ lực cải thiện MTKD phục vụ DN/HTX và các cơ sở kinh tế và do vậy chỉ đánh giá, xếp hạng các sở, ban, ngành ở nội dung này và không phải đánh giá chất lượng điều hành của các

sở, ban, ngành trên tất cả các mặt hoạt động. Trên cơ sở ý kiến đóng góp từ các sở, ban, ngành đối với dự thảo báo cáo phương pháp luận, báo cáo DDCI Nghệ An năm 2022 sẽ xếp hạng điểm số các sở, ban, ngành từ cao đến thấp theo 2 nhóm. Trong đó, Nhóm A bao gồm các sở, ban, ngành có đối tượng phục vụ chính là các DN/HTX/HKD và có nhiều tương tác đối với các đối tượng này, và Nhóm B bao gồm các sở, ban, ngành có đối tượng phục vụ chính không phải là các DN/HTX/HKD mà là người dân hoặc các đối tượng khác, và có ít tương tác hơn với các DN/HTX, và có ít TTHC đối với đối tượng là DN/HTX/HKD này. Hai nhóm này được thể hiện trong bảng sau:

Nhóm A – Đối tượng phục vụ chính là DN/HTX/HKD và số lượng TTHC/ mức tương tác với các đối tượng này là lớn và đáng kể	Nhóm B – Đối tượng phục vụ chính không phải là DN/HTX/HKD và số lượng TTHC/ mức tương tác với các đối tượng này ở mức độ thấp hơn
<ol style="list-style-type: none"> 1. Sở Kế hoạch và Đầu tư 2. Sở Tài nguyên và Môi trường 3. Sở Xây dựng 4. Sở Giao thông vận tải 5. Sở Công Thương 6. Cục Quản lý thị trường 7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 9. BQL Khu Kinh tế Đông Nam 10. Cục Thuế 11. Cục Hải quan 12. Bảo hiểm Xã hội 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công an tỉnh 2. Sở Tài chính 3. Sở Văn hóa, Thể thao 4. Sở Thông tin và Truyền thông 5. Sở Y Tế 6. Sở Khoa học và Công nghệ 7. Sở Giáo dục và Đào tạo 8. Sở Ngoại vụ 9. Sở Tư pháp 10. Sở Du lịch 11. Ngân hàng NN chi nhánh tỉnh 12. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh

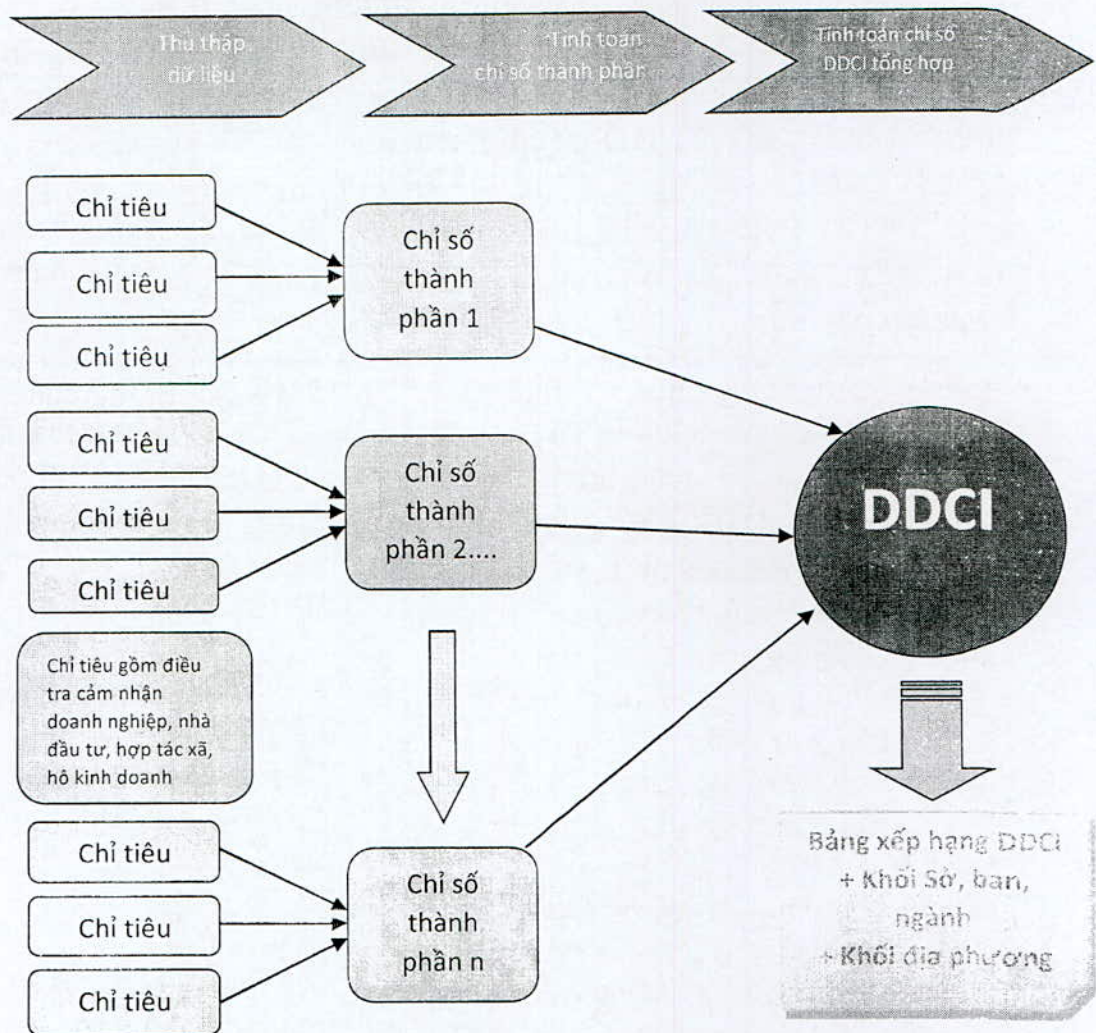
Đối với DDCI địa phương, thực hiện xếp hạng từ cao đến thấp các địa phương theo điểm số đã quy đổi về thang điểm 100.

	Rất tốt
	Tốt
	Khá
	Trung bình khá
	Trung bình
	Trung bình thấp
	Kém
	Rất kém

Với DDCI cấp sở, ban, ngành, điểm số của các sở, ban, ngành được quy đổi về thang điểm 100 để thực hiện xếp hạng từ cao đến thấp theo phân nhóm nêu trên, với các thang điểm tương ứng như sau: Rất tốt (≥ 90 điểm), Tốt (Từ 80 đến <90), Khá (Từ 70 đến <80), Trung bình khá (Từ 60 đến <70), Trung bình (Từ 50 đến <60), Trung bình thấp (Từ 40 đến <50), Kém (Từ 30 đến <40), Rất kém (<30).

Tương tự, với DDCI cấp địa phương, các huyện, thị xã, thành phố đồng thời cũng được xếp vào các nhóm năng lực điều hành: Rất tốt (≥ 90 điểm), Tốt (Từ 80 đến <90), Khá (Từ 70 đến <80), Trung bình khá (Từ 60 đến <70), Trung bình (Từ 50 đến <60), Trung bình thấp (Từ 40 đến <50), Kém (Từ 30 đến <40), Rất kém (<30).

Sơ đồ phương pháp tính điểm các chỉ tiêu, chỉ số thành phần



3.3. Tổng hợp dữ liệu cuối cùng và viết báo cáo phân tích

Bước cuối cùng là tổng hợp kết quả điểm số và xếp hạng các sở, ban, ngành và địa phương từ cao đến thấp theo hai nhóm xếp hạng: DDCI cấp sở, ban, ngành và DDCI cấp địa phương.

Các bảng khác tổng hợp kết quả của từng chỉ số thành phần và tiêu chí đánh giá cũng sẽ được trình bày cụ thể để làm tư liệu cho các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố của tỉnh tham khảo và có hướng cải thiện tình hình.

Sản phẩm cuối cùng được công bố là “*Báo cáo Kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Nghệ An năm 2022*”, kết quả phân tích dữ liệu điều tra và phiếu khảo sát.

Những sản phẩm này sẽ được giới thiệu tại Hội nghị công bố kết quả đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Nghệ An năm 2022. Đây là cơ sở quan trọng cho việc lập kế hoạch cải thiện, nâng cao năng lực cạnh tranh và chương trình hành động tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện.

Chương III

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ CHỈ SỐ DDCI NGHỆ AN NĂM 2022

1. Cấu trúc của Bộ chỉ số DDCI Nghệ An năm 2022

Vai trò nhiệm vụ, chức năng quản lý của các sở, ban, ngành có sự khác biệt rất lớn so với chính quyền cấp huyện, thị xã, thành phố. Bên cạnh đó, đối tượng phục vụ cũng như đối tượng có quan hệ tương tác thường xuyên giữa các sở, ban, ngành và chính quyền huyện, thị xã, thành phố cũng rất khác nhau. Trong khi các đối tượng phục vụ chính của các sở, ban, ngành là DN, HTX (và một phần nhỏ là các HKD) thì đối với chính quyền các huyện, thị xã, thành phố, đối tượng phục vụ chính lại là các HKD (và một phần các DN/HTX). Vì lý do này để đảm bảo đánh giá chính xác, công bằng, Bộ chỉ số DDCI Nghệ An sẽ gồm hai chỉ số: (i) DDCI cấp sở, ban, ngành và (ii) DDCI cấp địa phương (huyện/thị xã/thành phố).

Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu của Bộ chỉ số DDCI Nghệ An được xây dựng trên nguyên tắc nền tảng và thông lệ tốt về điều hành và quản trị kinh tế của các cấp chính quyền tại tỉnh. Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu bao quát toàn diện các mặt quản lý, điều hành kinh tế của các cấp chính quyền. Hơn thế nữa, Bộ chỉ số DDCI Nghệ An dựa trên kết quả phân tích những điểm mạnh, những điểm còn hạn chế trong các chỉ số thành phần PCI của tỉnh Nghệ An để xây dựng các chỉ tiêu thích hợp. Từ đó, việc xác định các chỉ số thành phần thấp điểm, cần cải thiện trong Bộ chỉ số DDCI Nghệ An giúp các cơ quan biết được điểm nào cần cải thiện trong năng lực hoạt động của mình, điểm nào cần chú ý trong công tác hỗ trợ cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện thủ tục hành chính, đặc biệt là các công tác liên quan tới môi trường đầu tư, kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp.

Các chỉ số thành phần, các chỉ tiêu có tính đại diện và là mẫu số chung để so sánh về năng lực quản lý, điều hành kinh tế giữa sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện. Đây là nguyên tắc nhằm đảm bảo tính hợp lý và khả năng so sánh, xếp hạng công bằng giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện. Mỗi chỉ số thành phần được cụ thể hóa thành các chỉ tiêu khác nhau. Các chỉ tiêu này phản ánh chi tiết những nội dung của chỉ số thành phần, cung cấp các thông tin đầy đủ, toàn diện, chi tiết về các mặt của công tác quản lý, điều hành kinh tế bởi các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện. Tương tự như chỉ số thành phần, các chỉ tiêu phải đảm bảo được tính đại diện, phải là mẫu số chung, thước đo chung và có ý nghĩa áp dụng đối với tất cả các đơn vị được đánh giá.

Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu cũng cho phép xác định các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện chịu trách nhiệm về những điểm mạnh và điểm yếu của từng điểm cụ thể trong công tác điều hành. Các chỉ số thành phần,

chỉ tiêu và cơ sở dữ liệu của Bộ chỉ số DDCI Nghệ An cho phép xác định rõ ràng, chính xác đầu mối chịu trách nhiệm đối với các hành động nhằm phát huy thế mạnh và khắc phục những tồn tại đối với từng lĩnh vực cụ thể trong công tác quản lý, điều hành kinh tế ở cả cấp sở ban ngành và UBND cấp huyện. Từ đó, có thể dễ dàng xác định trách nhiệm của người đứng đầu và trách nhiệm giải trình của từng đơn vị quản lý trong từng nội dung cụ thể của hoạt động điều hành và quản trị kinh tế.

Bảng dưới đây trình bày về nội hàm của các chỉ số thành phần chính trong Bộ chỉ số DDCI năm 2022.

CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TRONG DDCI 2022

(1) Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC: Chỉ số này liên quan đến tất cả các TTHC mà các cơ sở kinh tế phải thực hiện trong quá trình hoạt động hoặc để đi vào hoạt động hoặc để dự án của mình đi vào hoạt động, như đăng ký kinh doanh/thành lập, thủ tục đầu tư, thủ tục đăng ký lao động, thuế, bảo hiểm xã hội, cấp phép đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, môi trường...

(2) Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin: Chỉ số này đánh giá khả năng và sự dễ dàng khi DN/HTX/HKD có thể tiếp cận những thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh và mức độ hữu dụng của ứng dụng CNTT trong cung cấp thông tin tới các đối tượng kinh doanh.

(3) Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật: Chi phí này đo lường thời gian mà các DN/HTX/HKD phải bỏ ra khi thực hiện TTHC và tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh, cụ thể được đo lường bằng thời gian hay số lần đi lại cho việc tìm hiểu quy định, thủ tục, chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ, liên lạc, tiếp xúc với cơ quan có liên quan để thực hiện TTHC hoặc quy định của pháp luật, hoặc bằng thời gian DN phải dành cho việc tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra bởi các cơ quan quản lý.

(4) Chi phí không chính thức: Chỉ số này đánh giá về phạm vi và mức độ của các khoản chi phí không chính thức mà các DN/HTX/HKD phải bỏ ra khi thực hiện các TTHC, khi thực hiện các quy định pháp luật hoặc trong quá trình tương tác với các cơ quan chính quyền trong quá trình sản xuất kinh doanh.

(5) Cạnh tranh bình đẳng: Chỉ số thành phần này đề cập đến sự đối xử công bằng giữa các cơ sở kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh khi gia nhập thị trường, khi tiếp cận các cơ hội kinh doanh, nguồn lực cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh, khi tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ. Cạnh tranh bình đẳng trong phạm vi khảo sát DDCI đưa ra được hiểu là không có sự phân biệt đối xử giữa các đối tượng kinh doanh với nhau theo hình thức sở hữu, theo quy mô của cơ sở sản xuất kinh doanh hay theo mức độ thân hữu với cơ quan chính quyền (ví dụ giữa DNNN, DN FDI với các cơ sở kinh doanh thuộc khu vực

tư nhân, giữa DN/HTX/HKD lớn với DN/HTX/HKD nhỏ, giữa DN/HTX/HKD với DN/HTX/HKD “thân hữu” với chính quyền, giữa HKD với DN, HTX, giữa DN/HTX/HKD trong địa phương và ngoài địa phương).

(5) Tính năng động và tiên phong: Nội dung CSTP này tập trung vào các vấn đề như sự năng động, sáng tạo, tính tiên phong, chủ động, tích cực của các cơ quan chính quyền trong thực hiện các quy định chính sách của pháp luật và UBND và hiệu quả trong giải quyết các vướng mắc, khó khăn để tạo thuận lợi cho các DN/HTX/HKD.

(7) Hoạt động hỗ trợ SXKD: Nội dung chỉ số này tập trung đến các lĩnh vực thuộc chức năng của các sở, ban, ngành và địa phương trong việc thu hút đầu tư, tạo điều kiện giúp các cơ sở kinh tế phát triển tốt nhất và đo lường mức độ hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, các chương trình, chính sách hỗ trợ có tác động tới hoạt động kinh doanh của các DN/HTX/HKD.

(8) Hiệu lực thiết chế: Chỉ số này được xây dựng nhằm đánh giá hiệu quả của các cơ quan chính quyền trong việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật, chính sách (một nội dung quan trọng của thể chế) và cơ chế xử lý các khiếu nại, tố cáo từ phía cộng đồng dân doanh và các nhà đầu tư liên quan tới quá trình thực thi các quy định pháp luật.

Ngoài ra, riêng với DDCI cấp địa phương còn đánh giá thêm khía cạnh “an ninh trật tự” trong việc đảm bảo an ninh trật tự đảm bảo môi trường đầu tư, kinh doanh an toàn, giảm thiểu các trường hợp gây nhiễu, phiền hà cho các DN/HTX/HKD hoạt động trên địa bàn từ góc độ an ninh, trật tự.

(9) Tiếp cận đất đai: Chỉ số này chỉ áp dụng đối với DDCI cấp địa phương. Chỉ số này chỉ đo lường mức độ thuận lợi có được địa điểm kinh doanh và tính minh bạch, hiệu quả của cơ chế giải quyết các thủ tục, quy trình về đất đai tại Sở Tài nguyên và Môi trường, các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

2. Hệ thống các chỉ số thành phần, chỉ tiêu của DDCI cấp sở, ban, ngành

DDCI cấp sở, ban, ngành của Nghệ An năm 2022 sẽ bao gồm 08 chỉ số thành phần và hệ thống các chỉ tiêu thể hiện các lĩnh vực quản lý, điều hành kinh tế và môi trường đầu tư, kinh doanh, liên quan trực tiếp tới các DN, HTX, một số HKD tại tỉnh.

Bảng sau đây sẽ khái quát hóa các chỉ số thành phần và chỉ tiêu theo hệ thống tương ứng của DDCI cấp sở, ban, ngành của Nghệ An năm 2022.

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU
1. Gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC¹	1.1. Tổng thời gian DN/HTX ² dành cho việc tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục hành chính liên quan tới gia nhập thị trường hay cấp phép (<i>lần đầu hoặc điều chỉnh</i>)
	1.2. Chất lượng của hoạt động hướng dẫn của cơ quan đối với doanh nghiệp khi thực hiện hồ sơ
	1.3. Số lần bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ để được chấp nhận là hồ sơ hợp lệ
	1.4. Tác động của quá trình thực hiện thủ tục gia nhập thị trường, cấp phép đến kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp
	1.5. Mức độ hài lòng về chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với DN/HTX
	1.6. Mức độ hài lòng về thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với DN/HTX
	1.7. Mức độ hài lòng về quy trình, thủ tục thực hiện TTHC ở Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa
	1.8. Thời gian DN/HTX bỏ ra để hoàn thành tất cả các thủ tục gia nhập thị trường và cấp phép để chính thức hoạt động (từ khi chính thức tìm hiểu thủ tục đến khi nhận được kết quả cuối cùng)
2. Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin	2.1. Mức độ thuận lợi khi tiếp cận với các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật; TTHC; cơ chế chính sách mới
	2.2. Chất lượng công bố thông tin, hướng dẫn về thực hiện TTHC hoặc công việc có liên quan

¹ Chỉ số gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC được hiểu là chỉ số liên quan đến tất cả các TTHC mà doanh nghiệp phải thực hiện trong quá trình hoạt động hoặc để đi vào hoạt động hoặc để dự án của mình đi vào hoạt động, như đăng ký thành lập DN, thủ tục đầu tư, thủ tục đăng ký lao động, bảo hiểm XH, cấp phép đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, môi trường...

² Đối tượng trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2022 chủ yếu là DN và HTX. Trong một số trường hợp, các HKD có thể lựa chọn tham gia đánh giá phiếu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành khi các HKD đó thực sự có tương tác về quản lý điều hành hoặc thực hiện TTHC với Sở, ban, ngành. Để đảm bảo tính thống nhất, thuật ngữ "DN/HTX" trong bảng chỉ tiêu này được sử dụng để đại diện chung cho các đối tượng đánh giá DDCI cấp Sở, ban, ngành

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

CHỈ TIÊU

- 2.3. Tính chủ động và kịp thời của sở, ban, ngành trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của DN/HTX
- 2.4. Mức độ hữu ích của thông tin trên website của sở, ban, ngành đối với DN/HTX trong việc tìm kiếm thông tin
- 2.5. Mức độ và hiệu quả của việc ứng dụng CNTT/nhiều phương thức mới (hỏi đáp trực tuyến trên trang web, email, hotline hỗ trợ...) để giải đáp thắc mắc/ ý kiến/ tham vấn của các DN/HTX
- 2.6. Mức độ minh bạch thông tin khi ứng dụng CNTT để DN/HTX tra cứu tình trạng và tiến độ xử lý hồ sơ
- 2.7. Mức độ cập nhật thường xuyên của cơ sở dữ liệu mở (các văn bản pháp luật, quy định, chính sách chuyên ngành) dành cho DN/HTX trên trang web
- 2.8. Hiệu quả của việc sử dụng các thông báo nơi công cộng, đài phát thanh, phương tiện điện tử (các mạng xã hội...) trong việc cung cấp thông tin, văn bản pháp luật cho các DN/HTX
- 3.1. Thời gian thực hiện TTHC tại sở, ban, ngành
- 3.2. Mức độ thực hiện TTHC trực tuyến của DN/HTX khi thực hiện TTHC
- 3.3. Tính đơn giản và mức độ dễ dàng trong thực hiện các thủ tục trực tuyến
- 3.4. Mức độ tiết kiệm thời gian và chi phí của việc thực hiện các thủ tục trực tuyến so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)
- 3.5. Mức độ giảm cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi cơ quan hành chính cấp tỉnh khi thực hiện thủ tục trực tuyến so với phương thức truyền thống
- 3.6. Các nỗ lực cải cách, sáng kiến của sở, ban, ngành nhằm giảm bớt chi phí thời gian cho DN/HTX khi tuân thủ các quy định pháp luật (ví dụ như thực hiện TTHC, dịch vụ công, nộp báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định...)
- 3.7. Số lần thanh tra, kiểm tra
- 3.8. Thời gian của 1 đợt thanh tra, kiểm tra thực tế so với thời gian trong quyết định thanh tra, kiểm tra ban hành
- 3.9. Hiệu quả của các hoạt động thanh tra, kiểm tra
- 4.1. Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức (*chi phí lót tay, chi phí khác ngoài quy định của Nhà nước, ví dụ như chi phí gặp gỡ riêng lãnh đạo/cán bộ để triển khai dự*

3. Chi phí thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật

4. Chi phí không chính thức

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN**CHỈ TIÊU**

- án/hoạt động kinh doanh thuận lợi, khoản hoa hồng trích lại trong các gói thầu Nhà nước) khi DN/HTX thực hiện TTHC, dịch vụ công hoặc các công việc liên quan*
- 4.2. Mức chi các khoản không chính thức cho cán bộ trong tổng thu nhập của DN/HTX
- 4.3. Mức độ công việc được giải quyết khi đã chi khoản chi phí không chính thức
- 4.4. Tình trạng các cuộc thanh tra, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiễu đối với các DN/HTX
- 4.5. Xu thế về mức độ chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả trong năm vừa qua
- 5.1. Công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong tiếp cận các thông tin, cơ hội kinh doanh, chương trình, chính sách ưu đãi, hỗ trợ
- 5.2. Công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong thực hiện TTHC
- 5.3. Công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong quá trình giải quyết kiến nghị, khó khăn
- 5.4. Công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong công tác thanh tra, kiểm tra
- 6.1. Việc thực hiện các chương trình, chủ trương của UBND tỉnh trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các DN/HTX
- 6.2. Tính sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định và giải quyết các vấn đề phát sinh mới
- 6.3. Việc nắm bắt và xử lý những khó khăn, vướng mắc của DN/HTX trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm được giao
- 6.4. Không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh và cấp TW
- 6.5. Không đùn đẩy trách nhiệm giữa các sở, ban, ngành hoặc sang địa phương hoặc lên cấp có thẩm quyền cao trong giải quyết các vấn đề liên quan cho DN/HTX
- 6.6. Tổ chức đối thoại và nội dung của hoạt động đối thoại giải quyết thỏa đáng các yêu cầu/vấn đề của các DN/HTX
- 6.7. Tiên phong trong ứng dụng công nghệ và các xu thế mới như kinh tế số, chuyển đổi số, công nghiệp 4.0, mục tiêu trung hòa carbon, tăng trưởng xanh trong công tác điều hành, quản lý
- 6.8. Tham vấn về việc góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch,

5. Cạnh tranh bình đẳng**6. Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành**

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN**CHỈ TIÊU**

kế hoạch phát triển

7. Hoạt động hỗ trợ SXKD

- 7.1. Mức độ cung cấp thông tin triển khai các chương trình, chính sách, sáng kiến, hoạt động (của trung ương và tỉnh) dành riêng cho hỗ trợ các DN/HTX
- 7.2. Mức độ DN/HTX được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN/HTX (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách...)
- 7.3. Thủ tục để được hưởng các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh
- 7.4. Hiệu quả các chương trình hỗ trợ trong việc nâng cao hoạt động SXKD của DN
- 7.5. Hiệu quả của các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ các DN/HTX trong các trường hợp chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh
- 7.6. Hiệu quả các chương trình hỗ trợ các DN/DNVVN, DN/HTX do phụ nữ, nhóm người yếu thế làm chủ và khuyến khích các mô hình kinh tế mới, chuyển đổi mô hình kinh doanh

8. Hiệu lực thiết chế

- 8.1. Hoạt động công khai, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, văn bản pháp luật
- 8.2. Hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật do sở, ban ngành này triển khai và thực thi
- 8.3. Hiệu quả của hoạt động tiếp dân, tiếp doanh nghiệp của sở, ban, ngành
- 8.4. Hiệu quả của kênh hay cơ chế tiếp nhận thông tin phản ánh, khiếu nại, tố cáo của doanh nghiệp/HTX
- 8.5. Tính kịp thời, thỏa đáng, đúng pháp luật trong giải quyết khiếu nại, tố cáo
- 8.6. Hiện tượng doanh nghiệp/HTX khiếu nại vượt cấp
- 8.7. Hiệu quả của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho các DN/HTX khi họ có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm
- 8.8. Tính minh bạch và công bằng của cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo

3. Hệ thống các chỉ số thành phần, chỉ tiêu của DDCI cấp địa phương

DDCI cấp địa phương của Nghệ An năm 2022 sẽ bao gồm 09 chỉ số thành phần và hệ thống các chỉ tiêu thể hiện các lĩnh vực quản lý, điều hành kinh tế và liên quan trực tiếp tới các HKD Ngoài ra, các HTX hoặc DN có đăng ký hoặc hoạt động ở huyện, thị xã, thành phố và có tương tác với chính quyền địa phương cũng có thể lựa chọn trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thống nhất, các tài liệu về sau sẽ sử dụng thuật ngữ “HKD” hoặc cơ sở SXKD để đại diện chung cho các đối tượng đánh giá DDCI cấp địa phương.

Bảng sau đây sẽ khái quát các chỉ số thành phần và chỉ tiêu theo hệ thống tương ứng của DDCI cấp địa phương của Nghệ An năm 2022.

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU
1. Gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC³	1.1. Tổng thời gian mà ông/bà đã dành cho việc tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục hành chính (<i>lần đầu hoặc điều chỉnh</i>) (<i>lần đầu hoặc điều chỉnh</i>)
	1.2. Số lần bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ rồi mới được chấp nhận là hồ sơ hợp lệ
	1.3. Hiệu quả của quy trình thực hiện các thủ tục, quy định để có được <i>giấy đăng kí kinh doanh</i>
	1.4. Hiệu quả của quy trình thực hiện các thủ tục, quy định để có được <i>giấy phép xây dựng</i> (trong thẩm quyền của huyện, thị xã, thành phố)
	1.5. Hiệu quả của quy trình thực hiện các thủ tục, quy định để có được <i>giấy chứng nhận thực hiện các quy định an toàn thực phẩm</i>
	1.6. Hiệu quả của quy trình thực hiện các thủ tục, quy định để có được <i>giấy phép kinh doanh/giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành nghề có điều kiện thuộc lĩnh vực Công Thương</i> (như sản xuất kinh doanh rượu, bia, thuốc lá, khí dầu mỏ, hóa lỏng...)
	1.7. Hiệu quả của quy trình thực hiện các thủ tục, quy định để có được <i>giấy phép thực hiện các quy định về tài nguyên - môi trường</i>
	1.8. Hiệu quả của quy trình thực hiện các thủ tục, quy định để có được <i>giấy phép thực hiện các quy định về đất đai - địa chính</i>
	1.9. Hiệu quả của quy trình thực hiện các thủ tục, quy định để

³ Chỉ số gia nhập thị trường, hoạt động cấp phép và thực hiện TTHC được hiểu là chỉ số liên quan đến tất cả các thủ tục mà HKD phải thực hiện trong quá trình hoạt động hoặc để đi vào hoạt động hoặc để dự án của mình đi vào hoạt động, như đăng ký thành lập, thủ tục đăng ký thuế, cấp phép đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, môi trường....

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN**CHỈ TIÊU**

có được giấy phép thực hiện các quy định về lĩnh vực nông nghiệp

- 1.10. Hiệu quả của quy trình thực hiện các thủ tục, quy định để có được *giấy phép thực hiện các quy định về văn hóa, thể thao, du lịch*
 - 1.11. Mức độ hài lòng về chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với các HKD
 - 1.12. Mức độ hài lòng về thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với các HKD
 - 1.13. Tác động của những khó khăn khi thực hiện TTHC ở huyện, thị xã, thành phố đến kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp
 - 1.14. Thời gian HKD bỏ ra để hoàn thành tất cả các thủ tục cần thiết từ khi chính thức tìm hiểu thủ tục đến khi nhận được kết quả cuối cùng
- 2.1. Mức độ thuận lợi khi tiếp cận với các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật; TTHC; cơ chế chính sách mới
 - 2.2. Mức độ thuận lợi khi tiếp cận bản đồ, quy hoạch sử dụng đất của huyện/thị xã/thành phố, với các thông tin công khai về giải tỏa và giá đền bù trong giải phóng mặt bằng
 - 2.3. Mức độ thuận lợi khi tiếp cận về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công do huyện, thị xã, thành phố quản lý
 - 2.4. Mức độ minh bạch về thu, chi ngân sách, đặc biệt là về các khoản thu từ HKD
 - 2.5. Chất lượng công bố thông tin, hướng dẫn về thực hiện TTHC hoặc công việc có liên quan
 - 2.6. Tính chủ động và kịp thời của sở, ban, ngành trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của HKD
 - 2.7. Mức độ hữu ích của thông tin trên trang web trong việc tìm kiếm thông tin
 - 2.8. Việc ứng dụng CNTT/nhiều phương thức mới (hỏi đáp trực tuyến trên trang web, email, mạng xã hội, hotline hỗ trợ...) để giải đáp thắc mắc/ ý kiến/ tham vấn của các HKD công khai và hiệu quả
 - 2.9. Mức độ minh bạch thông tin khi huyện, thị xã, thành phố ứng dụng CNTT để HKD tra cứu tình trạng và tiến độ xử lý hồ sơ
 - 2.10. Mức độ cập nhật thường xuyên của cơ sở dữ liệu mở (các văn bản pháp luật, quy định, chính sách chuyên ngành)

2. Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

CHỈ TIÊU

- dành cho HKD trên trang web
- 2.11. Hiệu quả của việc sử dụng các thông báo nơi công cộng, đài phát thanh, phương tiện điện tử (các mạng xã hội...) trong việc cung cấp thông tin, văn bản pháp luật
- 3.1. Thời gian thực hiện TTHC tại cơ quan chính quyền cấp huyện, thị xã, thành phố
- 3.2. Mức độ ứng dụng TTHC trực tuyến khi thực hiện TTHC
- 3.3. Tính đơn giản và dễ dàng khi thực hiện các thủ tục trực tuyến
- 3.4. Mức độ tiết kiệm thời gian và chi phí của việc thực hiện các thủ tục trực tuyến so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)
- 3.5. Mức độ giảm và không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến so với phương thức truyền thống
- 3.6. Các nỗ lực cải cách, sáng kiến của UBND huyện, thị xã, thành phố nhằm giảm bớt chi phí thời gian cho các HKD khi tuân thủ các quy định pháp luật (ví dụ như trong thực hiện TTHC, dịch vụ công, nộp báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định...)
- 3.7. Số lần thanh tra, kiểm tra
- 3.8. Thời gian của 1 đợt thanh tra, kiểm tra thực tế so với thời gian trong quyết định thanh tra, kiểm tra
- 3.9. Chất lượng của các hoạt động thanh tra, kiểm tra
- 4.1. Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức (*chi phí lót tay, chi phí khác ngoài quy định của Nhà nước, ví dụ như chi phí gặp gỡ riêng lãnh đạo/cán bộ để triển khai dự án/hoạt động kinh doanh thuận lợi, khoản hoa hồng trích lại trong các gói thầu Nhà nước*) mà các HKD cùng ngành phải bỏ ra
- 4.2. Mức chi các khoản không chính thức cho cán bộ trong tổng thu nhập của HKD
- 4.3. Mức độ công việc được giải quyết khi đã chi khoản chi phí không chính thức
- 4.4. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức khi các HKD thực hiện TTHC ở lĩnh vực *đăng kí kinh doanh*
- 4.5. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức khi các HKD thực hiện TTHC ở lĩnh vực *đất đai - địa chính*
- 4.6. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức khi các
- 3. Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật**
- 4. Chi phí không chính thức**

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN**CHỈ TIÊU**

- HKD thực hiện TTHC ở lĩnh vực *xây dựng*
- 4.7. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức khi các HKD thực hiện TTHC ở lĩnh vực *công thương*
- 4.8. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức khi các HKD thực hiện TTHC ở lĩnh vực *nông nghiệp*
- 4.9. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức khi các HKD thực hiện TTHC ở lĩnh vực *tài nguyên môi trường*
- 4.10. Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức khi các HKD thực hiện TTHC ở lĩnh vực *văn hóa, thể thao, du lịch*
- 4.11. Tình trạng các cuộc thanh tra, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiễu đối với các HKD
- 4.12. Xu thế về mức độ chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả trong năm vừa qua
- 5.1. Công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ
- 5.2. Công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong thực hiện TTHC
- 5.3. Công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong quá trình giải quyết kiến nghị, khó khăn
- 5.4. Công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong công tác thanh tra, kiểm tra
- 6.1. Việc thực hiện các chương trình, chủ trương của UBND tỉnh trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các HKD
- 6.2. Tính sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định và giải quyết các vấn đề phát sinh mới
- 6.3. Việc nắm bắt và xử lý những khó khăn, vướng mắc của HKD trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm được giao
- 6.4. Không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh và cấp TW
- 6.5. Không có việc đùn đẩy trách nhiệm giữa các phòng ban cấp địa phương hoặc lên cấp có thẩm quyền cao trong giải quyết các vấn đề liên quan, hỗ trợ cho HKD
- 6.6. Tổ chức đối thoại và nội dung của hoạt động đối thoại giải quyết thỏa đáng các yêu cầu/ vấn đề của các HKD
- 6.7. Tiên phong trong ứng dụng công nghệ và các xu thế mới như kinh tế số, chuyển đổi số, công nghiệp 4.0, mục tiêu trung hòa carbon, tăng trưởng xanh trong công tác điều hành, quản lý

5. Cạnh tranh bình đẳng**6. Tính năng động và tiên phong chính quyền địa phương**

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN**CHỈ TIÊU**

	<p>6.8. Tham vấn các HKD về việc góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển</p> <p>7.1. Mức độ cung cấp thông tin triển khai các chương trình, chính sách, sáng kiến, hoạt động (của trung ương và tỉnh) dành riêng cho hỗ trợ các HKD</p> <p>7.2. Mức độ các HKD được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ HKD (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách vay vốn...)</p> <p>7.3. Thủ tục để được hưởng các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh ở huyện/thị xã/thành phố</p> <p>7.4. Hiệu quả thiết kế và thực hiện của các chương trình <i>hỗ trợ khởi sự kinh doanh</i></p> <p>7.5. Hiệu quả thiết kế và thực hiện của các chương trình <i>hỗ trợ các vấn đề về thuế</i></p> <p>7.6. Hiệu quả thiết kế và thực hiện của các chương trình hỗ trợ xúc tiến thương mại, <i>hỗ trợ liên kết, kết nối cung cầu, hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ, quảng bá sản phẩm</i></p> <p>7.7. Hiệu quả thiết kế và thực hiện của các chương trình <i>hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp và tuyển dụng lao động cho người lao động trên địa bàn</i></p> <p>7.8. Hiệu quả thiết kế và thực hiện của các chương trình <i>hỗ trợ về vốn vay ưu đãi, tín dụng sản xuất kinh doanh</i></p> <p>7.9. Hiệu quả thiết kế và thực hiện của <i>công tác thi đua, khen thưởng</i> đối với các HKD khi thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, đóng góp cho xã hội, cộng đồng</p> <p>7.10. Hiệu quả thiết kế và thực hiện của các chương trình hỗ trợ các HKD trong các trường hợp <i>chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh</i></p> <p>7.11. Sự quan tâm tới các HKD nhỏ, cơ sở do phụ nữ, nhóm người yếu thế làm chủ và có nhiều chương trình hỗ trợ hiệu quả, khuyến khích các mô hình kinh tế mới, chuyển đổi mô hình kinh doanh</p>
7. Hoạt động hỗ trợ SXKD	
8. Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự	<p>8.1. Hoạt động công khai, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, văn bản pháp luật</p> <p>8.2. Hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật do UBND huyện, thị xã, thành phố triển khai và thực thi</p> <p>8.3. Hiệu quả của hoạt động tiếp hộ kinh doanh, của huyện, thành phố</p> <p>8.4. Hiệu quả của kênh hay cơ chế tiếp nhận thông tin phản ánh, khiếu nại, tố cáo</p>

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN**CHỈ TIÊU****9. Tiếp cận đất đai**

- 8.5. Hiệu quả của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho các cơ sở khi họ có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm
 - 8.6. Tính kịp thời, thỏa đáng, đúng pháp luật trong giải quyết khiếu nại, tố cáo
 - 8.7. Tính minh bạch và công bằng của cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo
 - 8.8. HKD không phải khiếu nại, tố cáo vượt cấp
 - 8.9. UBND huyện, thị xã, thành phố đã giải quyết các vụ việc liên quan tới an ninh, trật tự của các HKD
 - 8.10. Hiện tượng tội phạm quấy nhiễu các HKD
 - 8.11. Hiện tượng HKD phải chi trả tiền cho các nhóm đối tượng để được yên ổn làm ăn
-
- 9.1. Mức độ khó khăn hoặc thuận lợi để có được địa điểm kinh doanh như hiện tại
 - 9.2. Rủi ro mặt bằng kinh doanh bị đòi lại, thu hồi, giải tỏa
 - 9.3. Tính chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc ở địa phương
 - 9.4. Tính dễ dàng trong việc tiếp cận quỹ đất sạch hoặc thuê đất tại các khu đất mới được quy hoạch (cụm CN...)
 - 9.5. Tiến độ giải phóng mặt bằng
 - 9.6. Việc xác minh nguồn gốc đất tại địa phương và giải quyết hồ sơ đất đai nhanh chóng và đúng quy định
 - 9.7. Tính thỏa đáng trong thẩm định phương án bồi thường

Chương IV

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Kế hoạch thực hiện

- ❖ Tháng 3-4/2023: Xây dựng hệ thống bộ chỉ số và tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh của sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện (DDCI)
- ❖ Tháng 5/2023: Lập kế hoạch khảo sát và chuẩn bị
- ❖ Tháng 5/2023: Xây dựng phần mềm nhập và quản lý dữ liệu DDCI
- ❖ Tháng 5/2023: Khảo sát, điều tra
- ❖ Tháng 6/2023: Nhập liệu, chuẩn bị dữ liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu
- ❖ Tháng 6/2023: Xử lý và tổng hợp dữ liệu, hoàn thành báo cáo
- ❖ Trước 26/6/2023: Nghiệm thu hoàn thành

2. Cơ chế phối hợp thực hiện công việc

STT	Đơn vị	Nội dung công việc
1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Nghệ An	<p>Thực hiện các nhiệm vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và thống nhất cơ chế về thực hiện, cơ chế tài chính - Phối hợp với Cục Thống kê, Cục Thuế, các đơn vị liên quan... cung cấp danh sách cập nhật mới nhất toàn bộ các hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, doanh nghiệp với địa chỉ cụ thể, phân loại theo địa bàn và lĩnh vực kinh doanh, giới tính chủ hộ... - Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan cung cấp danh sách các doanh nghiệp, HTX thực hiện TTHC, dịch vụ công với các sở, ban, ngành trong năm 2022 và những tháng gần nhất - Phối hợp và theo dõi chất lượng của điều tra khảo sát - Tổng hợp khó khăn, vướng mắc, giải pháp tháo gỡ trong quá trình thực hiện - Tổ chức tham vấn các đơn vị có liên quan của tỉnh đối với Phương pháp luận Chỉ số DDCI Nghệ An năm 2022 - Tham gia ý kiến đóng góp để hoàn thiện Bộ chỉ số DDCI Nghệ An năm 2022, kết cấu và nội dung các báo cáo đảm bảo tính chặt chẽ, logic.
2	Cục Thống kê	<p>Triển khai thực hiện điều tra khảo sát trên cơ sở thỏa thuận hợp tác thực hiện khảo sát, triển khai đánh giá chỉ số DDCI Nghệ An năm 2022 giữa đơn vị tư vấn và Cục Thống kê. Trong đó, dự kiến phân công các công việc như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cục Thống kê phối hợp với các Sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố lấy danh sách tổng thể các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh làm cơ sở để chọn mẫu. - Phối hợp với đơn vị tư vấn hướng dẫn cho cán bộ điều tra về DDCI Nghệ An năm 2022, bao gồm cách thức điều tra, khảo sát (trực tiếp và trực tuyến) và nhập liệu. - Tối thiểu 2.000 phiếu điều tra đạt chất lượng yêu cầu từ các DN, HTX, hộ kinh doanh cá thể + phiếu điều tra từ chi nhánh VCCI tại Nghệ An, hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (đánh giá đối với toàn bộ các sở, ngành và địa phương). - Giám sát, kiểm tra chéo, điện thoại ngẫu nhiên tới người được điều tra khảo sát - Điều phối việc nhập dữ liệu từ các phiếu khảo sát vào hệ thống phần mềm đã được thiết lập bởi đơn vị tư vấn.
3	Đơn vị tư vấn	Đơn vị tư vấn triển khai các công việc như sau: Xây dựng Phương pháp luận chỉ số DDCI Nghệ An năm 2022, công tác

STT	Đơn vị	Nội dung công việc
		<p>chuẩn bị cho điều tra, xây dựng và hoàn thiện bộ công cụ khảo sát, phần mềm quản lý, xử lý dữ liệu cho DDCI Nghệ An năm 2022.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng Phương pháp luận chỉ số DDCI Nghệ An năm 2022 - Phiếu khảo sát được hiệu chỉnh trên cơ sở phương pháp luận được phê duyệt. - Phần mềm phiếu khảo sát trực tuyến và công cho khảo sát trực tuyến được sửa đổi trên cơ sở phương pháp luận đã được phê duyệt. Phần mềm và công khảo sát trực tuyến được kết nối với cơ sở dữ liệu của các phiếu khảo sát nhằm phục vụ cho việc phân tích, chấm điểm, xếp hạng sau này. - Phần mềm nhập liệu, xử lý và quản lý dữ liệu được sửa đổi phục vụ cho việc nhập liệu phiếu khảo sát trực tiếp. - Xây dựng và quản lý hệ thống tài khoản điều tra viên, cán bộ nhập liệu và tạo tài khoản và hệ thống quản lý tài khoản điều tra viên, cán bộ nhập liệu - Kiểm tra Phương án tổ chức điều tra, danh sách điều tra viên được hoàn thành. - Xây dựng tài liệu tập huấn và hướng dẫn cho điều tra viên và về việc sử dụng phần mềm cho điều tra trực tuyến, mã hóa, nhập liệu được hoàn thành. - Hướng dẫn, tập huấn cho điều tra viên. - Hỗ trợ kỹ thuật cho cán bộ điều tra viên trong quá trình điều tra, khảo sát, nhập liệu. - Hiệu chỉnh dữ liệu sau khảo sát - Rà soát dữ liệu, phân tích dữ liệu, tổng hợp viết báo cáo phân tích - Báo cáo Đơn vị trừ chỉ kế hoạch thực hiện và Báo cáo kết quả DDCI Nghệ An năm 2022 tới Ban chỉ đạo DDCI Nghệ An
4	UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Cục Thuế, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã có nhiệm vụ hỗ trợ cũng như phối hợp thực hiện việc điều tra khảo sát cùng đơn vị tư vấn - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện đặc biệt là các đơn vị nằm trong phạm vi đánh giá xếp hạng, có trách nhiệm cung cấp danh sách toàn bộ các DN/HTX/HKD đã thực hiện dịch vụ công, hoặc thủ tục hành chính, hoặc có quan hệ công tác với các đơn vị (dưới bất kỳ hình thức nào) trong năm 2022. - Phối hợp tuyên truyền cho hoạt động nâng cao năng lực cạnh tranh tại tỉnh

STT	Đơn vị	Nội dung công việc
5	VCCI chi nhánh Nghệ An, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Nghệ An và các hiệp hội có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Với vai trò là cơ quan đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, VCCI Chi nhánh Nghệ An và cộng đồng doanh nghiệp sẽ tham gia trả lời khảo sát. VCCI Chi nhánh Nghệ An và các hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sẽ đánh giá đối với toàn bộ các sở, ban, ngành, địa phương thuộc đối tượng đánh giá. - Tham gia giám sát tính khách quan của khảo sát - Hỗ trợ các hoạt động, chương trình, hội thảo trong chuỗi hoạt động nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố, hướng tới cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh.